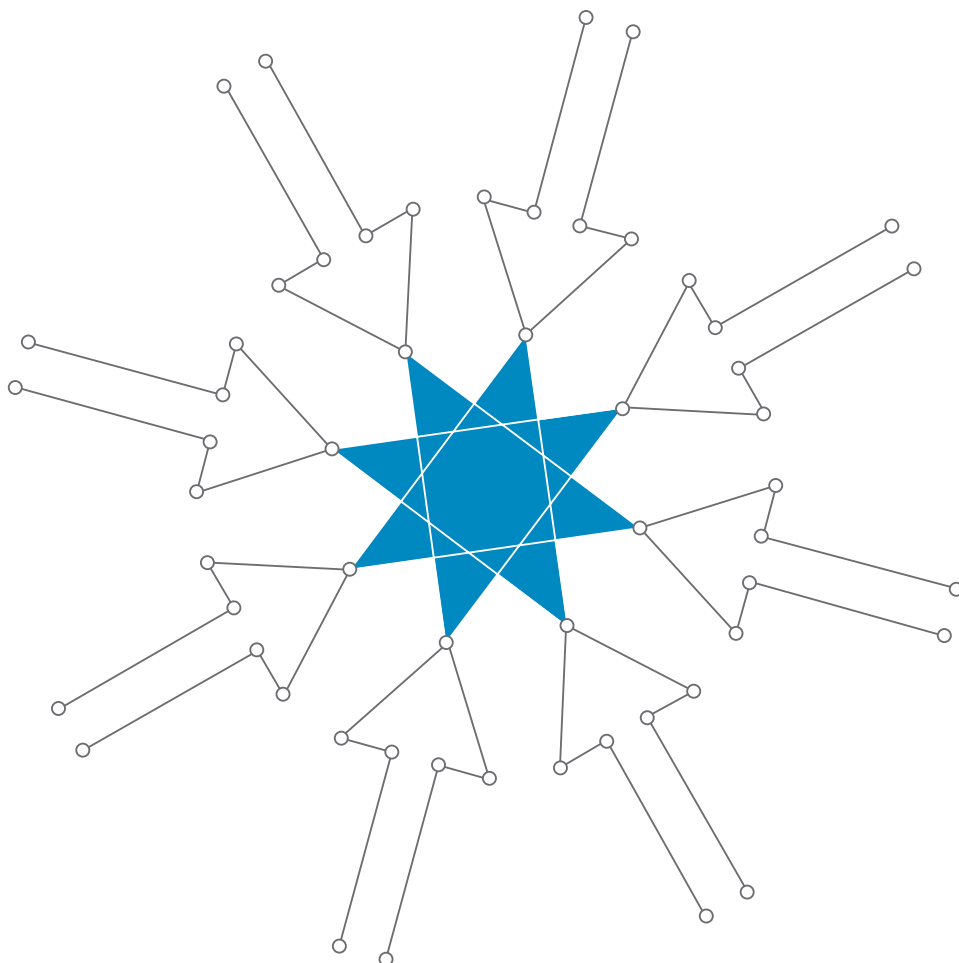




British Embassy
Hanoi



Phòng Thương mại
và Công nghiệp Việt Nam



Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết
của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU
về Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại

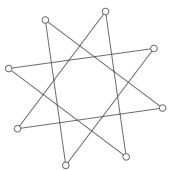


Nhà xuất bản
Công thương

**PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP**

TS. Nguyễn Thị Thu Trang (chủ biên)

Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết
của Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU
về Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại



Lời nói đầu

Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) đã chính thức được hai Bên tuyên bố hoàn tất đàm phán đầu tháng 12/2015. Đây là một trong hai Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới lớn nhất của Việt Nam. Với phạm vi cam kết rộng, bao trùm nhiều lĩnh vực thương mại hoặc có liên quan đến thương mại, ở cả các vấn đề tại biên giới và sau đường biên giới, EVFTA được dự báo sẽ ảnh hưởng lớn tới thể chế pháp luật và kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới.

Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại là một trong những lĩnh vực cam kết có ảnh hưởng trực tiếp tới hiệu quả của việc triển khai thực thi EVFTA trong lĩnh vực thương mại hàng hóa. Trên thực tế, Việt Nam đã có các cam kết về vấn đề hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong khuôn khổ Hiệp định về Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại của WTO (Hiệp định TFA) với các nội dung được xem là tương tự, thậm chí là chi tiết hơn các cam kết trong EVFTA về vấn đề này. Tuy nhiên, trong khi Việt Nam có quyền khá linh hoạt trong việc lựa chọn thời điểm tuân thủ các cam kết trong Hiệp định TFA thì trong khuôn khổ EVFTA phần các cam kết là bắt buộc. Từ góc độ thực thi, việc triển khai các cam kết trong EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại sẽ có tác động trực tiếp và tức thời tới tất cả các hoạt động lưu thông thương mại hàng hóa giữa Việt Nam và EU ngay khi EVFTA có hiệu lực. Do đó, cần thiết phải rà soát pháp luật hải quan Việt Nam với những cam kết trong EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại để xác định các nội dung khác biệt và từ đó có sửa đổi, điều chỉnh pháp luật Việt Nam cho phù hợp.

RÀ SOÁT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CÁC CAM KẾT EVFTA VỀ HẢI QUAN VÀ TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI này được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện với các phân tích về mức độ tương thích giữa pháp luật Việt Nam với các cam kết từ góc độ của doanh nghiệp (chủ thể xuất nhập khẩu), qua đó đề xuất giải pháp đảm bảo tuân thủ Hiệp định theo cách có lợi nhất cho các doanh nghiệp và chủ thể xuất nhập khẩu.

Đây là Rà soát nằm trong chuỗi Rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết EVFTA trong 05 lĩnh vực quan trọng (bao gồm Hải quan và tạo thuận lợi thương mại, Đầu tư, Mua sắm công, Sở hữu trí tuệ và Minh bạch) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện trong khuôn khổ Chương trình “Hệ thống pháp luật Việt Nam sẵn sàng để thực thi cam kết EVFTA” với sự hỗ trợ của Đại sứ quán Anh và Bắc Ai len tại Việt Nam.

Hy vọng rằng Báo cáo Rà soát này sẽ là nguồn thông tin bổ trợ hữu ích cho quá trình rà soát pháp luật thực thi EVFTA của Chính phủ và là nguồn tham khảo có ý nghĩa để giúp các cơ quan có thẩm quyền của Quốc hội có thêm thông tin trong quá trình phê duyệt EVFTA cũng như chỉ đạo, triển khai, kiểm soát quá trình thực thi EVFTA.

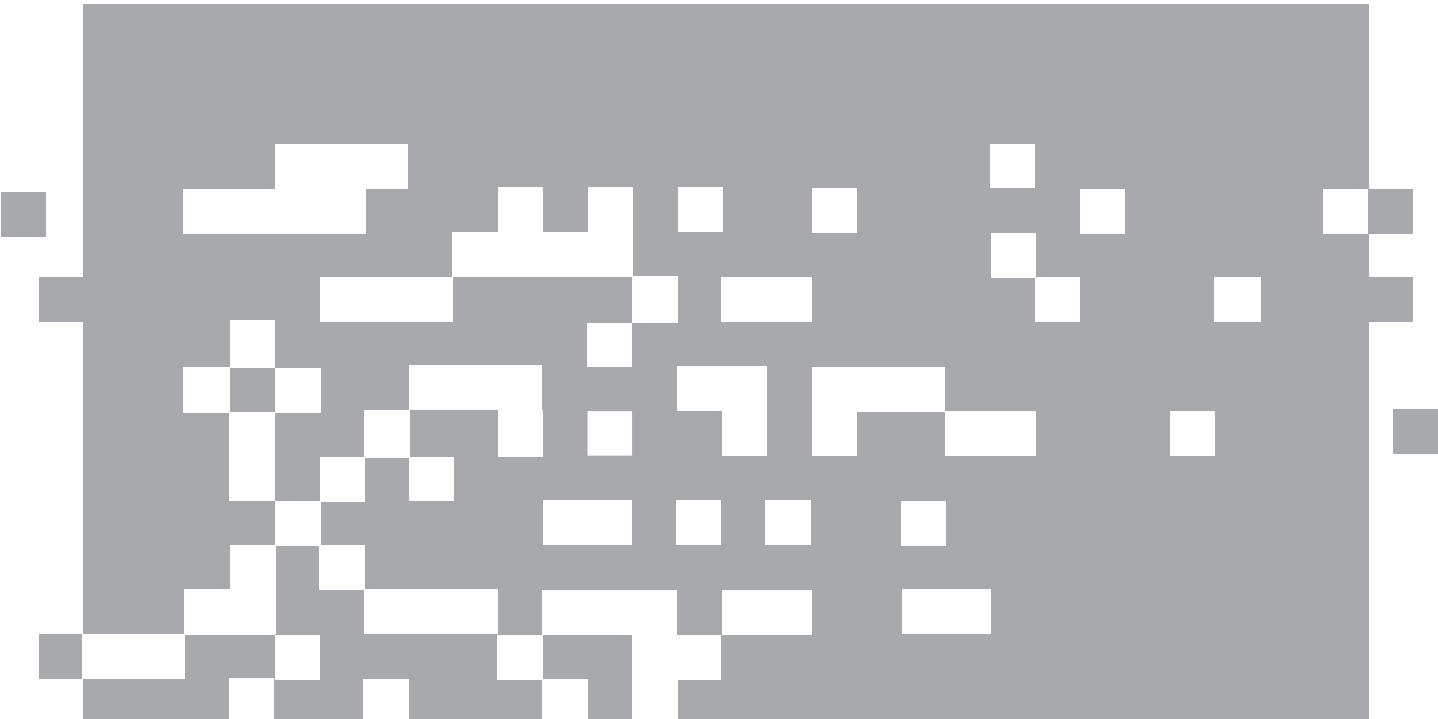
Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trân trọng cảm ơn Đại sứ quán Anh và Bắc Ai len đã hỗ trợ VCCI trong việc thực hiện Chương trình rất có ý nghĩa này.

Mục lục

Lời nói đầu	5
Phần thứ nhất: Tổng hợp Kết quả Rà soát	9
I. Mục tiêu và bối cảnh Rà soát	10
II. Giới hạn phạm vi rà soát	12
1. Về các cam kết về Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại trong EVFTA	12
2. Về pháp luật Hải quan và tạo thuận lợi thương mại của Việt Nam	15
III. Tổng hợp kết quả Rà soát và các Kiến nghị	16
1. Nhóm các cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại mà pháp luật Việt Nam đã tương thích	16
2. Nhóm các cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích một phần hoặc toàn bộ	22
3. Nhóm các cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa về nội dung	25
Phần thứ hai: Bảng tổng hợp kết quả rà soát	27
Phần thứ ba: Bảng rà soát chi tiết	35

Danh mục từ viết tắt

EVFTA:	Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu
EU:	Liên minh châu Âu
FTA:	Hiệp định Thương mại tự do
PLVN:	Pháp luật Việt Nam
TFA:	Hiệp định về Tạo thuận lợi thương mại của WTO
TPP:	Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương
VBQPPL:	Văn bản quy phạm pháp luật
WTO:	Tổ chức Thương mại Thế giới



Phần thứ nhất

Tổng hợp Kết quả Rà soát

I. Mục tiêu và bối cảnh Rà soát	10
II. Giới hạn phạm vi rà soát	12
III. Tổng hợp kết quả Rà soát và các Kiến nghị	16

I. Mục tiêu và bối cảnh Rà soát

Ngày 2/12/2015, Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA) đã chính thức hoàn tất đàm phán. Văn kiện của Hiệp định công bố ngày 1/2/2016 với 24 Chương cho thấy đây là Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới có phạm vi cam kết rất rộng, bao trùm không chỉ các lĩnh vực thương mại truyền thống (như hàng hóa, dịch vụ...) mà còn cả các lĩnh vực thương mại lần đầu tiên Việt Nam có cam kết (như doanh nghiệp Nhà nước, mua sắm công...), thậm chí cả các vấn đề phi thương mại nhưng có gắn trực tiếp với hoạt động thương mại (như môi trường, phát triển bền vững...). Mức độ cam kết và tự do hóa được đưa ra trong Hiệp định cũng cao hơn rất nhiều so với các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký trước đây, gần tương đương với mức của Hiệp định Đối tác Xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Với phạm vi và mức độ cam kết như vậy, EVFTA được dự báo sẽ ảnh hưởng lớn tới thể chế pháp luật và kinh tế của Việt Nam trong thời gian tới. Những cam kết trong EVFTA đặt Việt Nam trước yêu cầu phải thay đổi các quy định pháp luật nội địa của mình nhằm đảm bảo tuân thủ và thực thi nghiêm túc các nghĩa vụ cụ thể trong nhiều lĩnh vực. Đồng thời, việc sửa đổi hệ thống pháp luật trong nước theo các yêu cầu của EVFTA cũng được kỳ vọng sẽ tạo nên một làn sóng cải cách thể chế mới cho Việt Nam, qua đó giúp nâng cao chất lượng của hệ thống chính sách pháp luật, hoàn thiện môi trường kinh doanh, tạo nền tảng cơ bản cho sự phát triển bền vững và mang lại lợi ích cho các nhà đầu tư trong nước cũng như các đối tác kinh doanh nước ngoài, đặc biệt là từ Liên minh châu Âu (EU).

Một trong những khía cạnh cam kết của EVFTA được cho là sẽ có tác động trực tiếp và lớn tới việc hiệu quả thực thi và tận dụng các cơ hội từ EVFTA với Việt Nam là chế định về Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại - Tập hợp các nguyên tắc, yêu cầu đối với quy trình, thủ tục hải quan cũng như các biện pháp quản lý liên quan tới hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và EU. Việc sửa đổi pháp luật Việt Nam về hải quan và các vấn đề liên quan là cần thiết không chỉ để thực thi cam kết EVFTA mà còn là điều kiện tiên quyết với Việt Nam để tận dụng cơ hội thương mại hàng hóa từ EVFTA thông qua việc tạo thuận lợi, tiết kiệm thời gian và chi phí lưu chuyển hàng hóa qua biên giới,

bao gồm cả việc xuất khẩu hàng hóa sang thị trường xuất khẩu hàng đầu này của Việt Nam cũng như nhập khẩu hàng hóa vào Việt Nam từ thị trường này.

Để chuẩn bị cho quá trình này, việc rà soát hệ thống pháp luật hiện hành với các cam kết cụ thể trong EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại là bước đi đầu tiên đặc biệt cần thiết. Đây sẽ là cơ sở để xác định những chế định, quy định khác biệt hoặc chưa tương thích của pháp luật nội địa với các cam kết EVFTA về hải quan, từ đó phân tích các giải pháp thực thi thích hợp và đề xuất các phương án sửa đổi, điều chỉnh hệ thống pháp luật để đảm bảo tuân thủ EVFTA.

Về mặt nguyên tắc, theo quy trình đàm phán và phê chuẩn các điều ước quốc tế của Việt Nam, công việc rà soát này chắc chắn sẽ được thực hiện bởi cơ quan Nhà nước liên quan (Bộ Tư pháp, Tổng cục Hải quan) nhằm phục vụ cho việc thực thi nghĩa vụ của Nhà nước trong EVFTA.

Mặc dù vậy, việc rà soát chủ động từ góc độ của doanh nghiệp trong trường hợp này là rất cần thiết bởi:

- Trong nhiều trường hợp, các cam kết có thể được giải thích và thực thi theo nhiều cách thức khác nhau, và với Rà soát được tiến hành từ góc độ doanh nghiệp, các cách thức có lợi nhất cho doanh nghiệp sẽ được xác định và đề xuất;
- Khác với các cam kết trong các lĩnh vực khác, cam kết trong lĩnh vực hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong EVFTA không thể chỉ dành cho các chủ thể EU mà cần dành tất cả các chủ thể, do đó mức độ ảnh hưởng thực tiễn của các sửa đổi pháp luật sau rà soát, nếu có, sẽ là rất rộng, tác động trực tiếp tới hàng ngàn doanh nghiệp đang xuất, nhập khẩu. Vì vậy, việc rà soát và đề xuất sửa đổi từ góc độ của doanh nghiệp trong trường hợp này là rất có ý nghĩa.

Nghiên cứu Rà soát này được thực hiện nhằm (i) xây dựng các so sánh chi tiết giữa pháp luật Việt Nam với từng nghĩa vụ, cam kết cụ thể về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong EVFTA, (ii) phân tích đánh giá hiện trạng pháp luật so với yêu cầu của EVFTA và nguyên tắc áp dụng pháp luật hiện hành cũng như nhu cầu tự thân của Việt Nam, trong đó có nhu cầu của doanh nghiệp Việt Nam, và (iii) xây dựng các đề xuất về biện pháp thực thi EVFTA từ góc độ quan điểm và lợi ích của doanh nghiệp.

II. Giới hạn phạm vi rà soát

1. Về các cam kết về Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại trong EVFTA

Trong EVFTA, chế định về Hải quan và tạo thuận lợi thương mại được quy định tập trung trong Chương 5 của Hiệp định và Chương 20 – Nghị định thư về tương trợ hành chính trong lĩnh vực hải quan.

Về mặt nội dung, các cam kết trong EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại có thể xếp vào 05 nhóm sau đây:

Nhóm 1: Các cam kết về các thủ tục hải quan cụ thể:

- Giải phóng hàng;
- Hàng quá cảnh, chuyển khẩu;
- Xác định trước;
- Quản lý rủi ro;
- Đại lý hải quan;
- Phí, lệ phí;
- Trị giá hải quan; và
- Kiểm tra hồ sơ hải quan trước khi hàng lên tàu.

Nhóm 2: Các cam kết về tạo thuận lợi thương mại:

- Loại bỏ các thủ tục không cần thiết, phân biệt đối xử, làm chậm trễ thủ tục;
- Đơn giản hóa các điều kiện, thủ tục hải quan;
- Sử dụng các phương pháp hiện đại (quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông quan); và
- Sử dụng hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử.

Nhóm 3: Các cam kết về minh bạch trong thủ tục hải quan:

- Công khai các văn bản, quy định, thủ tục, thông tin hành chính; và
- Cơ chế giải quyết khiếu nại, khiếu kiện các quyết định hành chính trong thủ tục hải quan.

Nhóm 4: Hỗ trợ doanh nghiệp trong vấn đề hải quan:

- Điểm giải đáp-thông tin cho doanh nghiệp; và
- Tham vấn định kỳ với đại diện doanh nghiệp.

Nhóm 5: Các cam kết về hợp tác hành chính giữa cơ quan hải quan EU – Việt Nam

- Cam kết về hợp tác thực thi Hiệp định; và
- Cam kết về hỗ trợ hành chính giữa các cơ quan hải quan.

Từ góc độ nội dung, có thể nói các cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong EVFTA gần như được thiết kế dựa trên và tương tự với các quy định của Hiệp định về Tạo thuận lợi thương mại của WTO (TFA). Hơn nữa, trong khi EVFTA chỉ bao gồm các cam kết khá chung chung, không ràng buộc cách thức hay chi tiết thực hiện thì TFA lại chứa rất nhiều các quy định rất chi tiết, với các đòi hỏi chặt chẽ về nhiều vấn đề (đặc biệt là các vấn đề thuộc nhóm thủ tục hải quan cụ thể). Tuy nhiên, về hiệu lực pháp lý, trong khi TFA không buộc các nước thành viên về thời điểm phải thực thi các quy định (mỗi nước thành viên WTO có quyền tự xác định thời hạn thực hiện các nghĩa vụ trong TFA, bao gồm nhóm A - cam kết thực hiện ngay, nhóm B – cam kết thực hiện theo lộ trình và nhóm C – chỉ thực hiện khi bối cảnh thực tiễn đã đủ điều kiện để thực hiện; và đăng ký với WTO) thì các cam kết trong EVFTA về hải quan là bắt buộc thực hiện ngay khi EVFTA bắt đầu có hiệu lực (chỉ trừ 01 trường hợp cho phép bảo lưu).

Trừ các cam kết về hỗ trợ hành chính giữa cơ quan hải quan EU và Việt Nam nằm trong Chương 20 (Nghị định thư về tương trợ hành chính trong lĩnh vực hải quan), tất cả các cam kết khác (liên quan các nghĩa vụ cụ thể đối với doanh nghiệp) đều thuộc nội dung của Chương 5 (Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại).

Do đó, rà soát pháp luật Việt Nam với các cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong EVFTA này trên thực tế được thực hiện với từng cam kết cụ thể trong Chương 5 EVFTA. Chương 20 sẽ không được rà soát do các nội dung của Chương này chỉ liên quan tới quyền và nghĩa vụ giữa các cơ quan hải quan EU và Việt Nam với nhau, không trực tiếp ảnh hưởng hay làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của các chủ thể xuất nhập khẩu giữa EU và Việt Nam cũng như không tác động trực tiếp tới các thủ tục, trình tự, điều kiện hải quan hay trách nhiệm, nghĩa vụ của cơ quan hải quan với các chủ thể xuất nhập khẩu.

2. Về pháp luật hải quan và tạo thuận lợi thương mại của Việt Nam

Trong pháp luật Việt Nam, các vấn đề liên quan tới hải quan và tạo thuận lợi thương mại nằm trong 02 nhóm lớn:

- Pháp luật về hải quan và pháp luật liên quan: Nhóm này bao gồm Luật Hải quan, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Hải quan, các văn bản pháp luật khác có tác động trực tiếp tới các vấn đề về minh bạch trong thủ tục hải quan và tạo thuận lợi thương mại;
- Pháp luật chuyên ngành về xuất nhập khẩu đối với các loại hàng hóa cụ thể: Nhóm này bao gồm tất cả các văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực khác nhau có quy định về thủ tục, trình tự, điều kiện... về kiểm tra chuyên ngành đối với các loại hàng hóa cụ thể. Hiện có khoảng 200 văn bản pháp luật đối với hàng hóa xuất nhập khẩu thuộc quản lý của 07 Bộ chuyên ngành (Bộ Công thương, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch và Bộ Tài nguyên và Môi trường).

Rà soát này chỉ giới hạn ở nhóm các văn bản pháp luật về hải quan và pháp luật liên quan tới các vấn đề về minh bạch và tạo thuận lợi trong hải quan áp dụng cho tất cả các loại hàng hóa xuất nhập khẩu. Nhóm các văn bản pháp luật về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu quá lớn và chỉ áp dụng cho một số loại hàng hóa cụ thể, không phải thủ tục hải quan chung, sẽ được rà xét trong khuôn khổ một Rà soát riêng về pháp luật chuyên ngành nhằm đảm bảo tuân thủ cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong các lĩnh vực này.

Hệ thống pháp luật về hải quan và pháp luật liên quan của Việt Nam hiện hoàn toàn đồng nhất, với một hệ thống chung, áp dụng đối với tất cả các chủ thể không phân biệt chủ thể trong nước, nước ngoài, thành viên hay không phải thành viên của các cam kết quốc tế liên quan tới hải quan mà Việt Nam đã tham gia ký kết và thực hiện. Hệ thống này áp dụng chung đối với tất cả các loại hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, trung chuyển, quá cảnh qua biên giới Việt Nam. Đối với các loại hàng hóa thuộc diện phải kiểm tra chuyên ngành bởi cơ quan quản lý chuyên ngành theo pháp luật chuyên ngành thì ngoài các thủ tục hải quan chung theo pháp luật hải quan, khi những hàng hóa này được vận chuyển qua biên giới sẽ phải tuân thủ thêm các quy định của pháp luật chuyên ngành.

III. Tổng hợp kết quả Rà soát và các Kiến nghị

Nghiên cứu rà soát chi tiết pháp luật Việt Nam với các nghĩa vụ cụ thể được Việt Nam cam kết trong EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại cho kết quả như sau:

1. Nhóm các cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại mà pháp luật Việt Nam đã tương thích

:: Kết quả Rà soát

Kết quả rà soát chi tiết cho thấy pháp luật Việt Nam đã tương thích với phần lớn các cam kết trong EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại.

Kết quả này không hoàn toàn bất ngờ mặc dù Việt Nam tới thời điểm này chưa phải thực hiện cam kết trong Hiệp định về Tạo thuận lợi thương mại của WTO (với các cam kết tương tự EVFTA). Điều này được giải thích bởi một số lý do sau:

Thứ nhất, liên quan tới các “tiêu chuẩn” về hải quan và tạo thuận lợi thương mại, là thành viên của Công ước Kyoto sửa đổi về đơn giản hóa và hài hòa thủ tục hải quan từ 2008, thời gian qua Việt Nam đã tiến hành sửa đổi nhiều chế định trong pháp luật hải quan nhằm đáp ứng các yêu cầu của Công ước này. Trong khi đó, đa số các nghĩa vụ cam kết trong Hiệp định TFA (mà EVFTA dựa vào) được xây dựng dựa trên Công ước Kyoto, với mục tiêu đưa các tiêu chuẩn vốn chỉ có tính ràng buộc với các thành viên trong Công ước này trở thành khung khổ bắt buộc đối với tất cả Thành viên WTO. Do đó, rất nhiều các nhóm nghĩa vụ cam kết trong EVFTA đã được pháp điển hóa trong hệ thống pháp luật hải quan của Việt Nam. Đáng lưu ý, hệ thống pháp luật hải quan Việt Nam vừa có một đợt điều chỉnh tổng thể, với việc soạn thảo và ban hành Luật Hải quan 2014 (có hiệu lực từ 1/1/2015) cùng một loạt văn bản hướng dẫn Luật này ngay trong giai đoạn Việt Nam đàm phán TFA, TPP và EVFTA. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi pháp luật Việt Nam trong lĩnh vực này đã cơ bản tiếp thu các xu hướng, tiêu chuẩn về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trên thế giới (bao gồm TFA và cả các nguyên tắc lớn trong TPP và EVFTA).

Thứ hai, liên quan tới các yêu cầu về minh bạch hóa, trong những năm vừa qua, Việt Nam đã có những nỗ lực lớn trong cải cách hành chính cũng như tăng cường tính minh bạch của hệ thống pháp luật và nhấn mạnh sự tham gia của người dân vào quá trình này (thông qua một loạt các văn bản pháp luật liên quan như Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2008, Nghị định 63/2010/NĐ-CP về kiểm soát thủ tục hành chính, các văn bản pháp luật thương mại chuyên ngành...). Kết quả là nhiều yêu cầu về minh bạch, công khai thông tin và tham vấn trong TFA đã được đáp ứng trong pháp luật Việt Nam.

Cụ thể, pháp luật Việt Nam đã hoàn toàn đáp ứng các nghĩa vụ sau đây của Chương 5 EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại:

Điều 1:

- Cam kết ghi nhận tầm quan trọng của vấn đề hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong phát triển thương mại; và
- Cam kết ghi nhận các mục tiêu công cộng và không thỏa hiệp trọng đấu tranh chống gian lận, bảo vệ thương mại hợp pháp.

Điều 3:

- Cam kết bảo đảm các quy định và thủ tục hải quan của mình dựa trên các tiêu chuẩn trong Công ước Kyoto, Công ước HS;
- Cam kết pháp luật hải quan loại bỏ các yêu cầu không cần thiết, phân biệt đối xử, được thực thi hiệu quả và các biện pháp xử lý tương xứng, không phân biệt đối xử, không làm chậm trễ việc giải phóng hàng; và
- Cam kết đơn giản hóa các điều kiện và thủ tục khi có thể, nỗ lực hướng tới việc đơn giản hóa, tiêu chuẩn hóa các dữ liệu và giấy tờ yêu cầu.

Điều 4:

- Cam kết pháp luật quy định thời gian giải phóng hàng không dài hơn mức cần thiết để bảo đảm các thủ tục hải quan, nỗ lực giảm thời gian giải phóng hàng; và
- Cam kết quy định về việc khai và xử lý hồ sơ hải quan điện tử trước khi hàng đến để giải phóng hàng ngay khi đến.

Điều 5:

- Cam kết đảm bảo chỉ yêu cầu một Tờ khai hải quan duy nhất cho hàng hóa; và
- Cam kết thúc đẩy việc hình thành và sử dụng các hệ thống trao đổi thông tin điện tử giữa các cơ quan có thẩm quyền về hải quan và doanh nghiệp.

Điều 6: Cam kết đảm bảo tạo thuận lợi và kiểm soát hiệu quả hoạt động quá cảnh, chuyển khẩu.

Điều 7: Cam kết áp dụng phương pháp quản lý rủi ro cho hàng quá cảnh, chuyển khẩu.

Điều 8:

- Cam kết bảo đảm các quy định về hải quan được công khai, sẵn có; và
- Cam kết chỉ định một hoặc một số điểm thông tin để giải đáp thắc mắc về hải quan cho các tổ chức, cá nhân.

Điều 9:

- Cam kết ban hành quyết định xác định trước bằng văn bản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân nhập khẩu về phân loại hàng hóa và các vấn đề khác; và
- Cam kết đăng tải công khai các kết quả xác định trước về phân loại hàng hóa (trừ các thông tin mật).

Điều 11:

- Cam kết không bắt buộc sử dụng đại lý hải quan; và
- Cam kết bảo đảm việc cấp phép đại lý hải quan minh bạch, tương xứng và không phân biệt đối xử.

Điều 12:

- Cam kết tuân thủ Hiệp định về xác định trị giá hải quan của WTO; và
- Cam kết hợp tác để có quan điểm chung về vấn đề xác định trị giá hải quan.

Điều 13:

- Cam kết không yêu cầu các thủ tục kiểm tra hồ sơ hải quan trước khi xếp hàng như định nghĩa theo Hiệp định về kiểm tra trước khi xếp lên tàu; và
- Cam kết không yêu cầu bất kỳ hoạt động kiểm tra nào tại điểm đến trước khi thông quan bởi các công ty tư nhân.

Điều 14

- Cam kết bảo đảm các thủ tục hiệu quả, nhanh chóng, không phân biệt đối xử, dễ tiếp cận, để khiếu nại, khiếu kiện các quyết định hành chính của cơ quan hải quan liên quan tới việc xuất, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa.

Điều 15

- Cam kết ghi nhận sự cần thiết phải có tham vấn giữa đại diện DN và cơ quan hải quan về các quy định và thủ tục hải quan; và cần phải thiết lập cơ chế tham vấn này;
- Cam kết công khai các quy định, thủ tục về hải quan; các thông báo hành chính của cơ quan hải quan về giờ giấc, thủ tục hải quan;
- Cam kết đảm bảo khoảng cách hợp lý giữa thời điểm ban hành và thời điểm có hiệu lực của VBPL về hải quan; và
- Cam kết bảo đảm các thủ tục hải quan ít hạn chế thương mại, đáp ứng nhu cầu DN, theo thực tiễn tốt.

:: Đánh giá và Đề xuất

Trong tổng thể, nếu chỉ tính tới các cam kết về nội dung có ảnh hưởng tới pháp luật nội địa, không tính đến nhóm các cam kết thuộc về quyền (Việt Nam có thể lựa chọn thực hiện hoặc không thực hiện) và các cam kết thuộc về phối hợp hành chính giữa các cơ quan hải quan hai Bên (không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa), pháp luật hải quan Việt Nam đã hoàn toàn tương thích với tất cả các nghĩa vụ cam kết trong Chương hải quan và tạo thuận lợi thương mại trừ vấn đề về tiêu chí doanh nghiệp ưu tiên (tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhỏ và vừa). Một số nội dung mà pháp luật Việt Nam chưa hoàn toàn tương thích lại nằm trong pháp luật chuyên ngành (liên quan tới các cam kết về phí, lệ phí, về việc sử dụng phương pháp quản lý rủi ro và kiểm tra sau thông quan, về hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ phục vụ xuất – nhập khẩu) không thuộc phạm vi của Rà soát này.

Như vậy, về mặt quy định pháp luật, Việt Nam đã tiệm cận với các tiêu chuẩn về hải quan và tạo thuận lợi thương mại của quốc tế. Do đó, đối với các nghĩa vụ này, khi thực thi EVFTA, về nguyên tắc Việt Nam sẽ không phải điều chỉnh, sửa đổi hay bổ sung bất kỳ nội dung nào của các văn bản pháp luật về hải quan hiện hành.

Mặc dù vậy, cần lưu ý là do được thiết kế dưới dạng các yêu cầu chung (không đi vào các chi tiết cụ thể), một mặt Chương Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại của EVFTA có thể không yêu cầu Việt Nam phải thay đổi hiện trạng pháp luật của mình theo những đòi hỏi chi tiết trong các cam kết, nhưng mặt khác lại đặt ra các mục tiêu về hiệu quả thực thi đối với Việt Nam. Nói cách khác, với

cam kết EVFTA trong lĩnh vực này Việt Nam có không gian khá tự do để quyết định các biện pháp thực thi chi tiết về mặt pháp luật nhưng lại bị ràng buộc bởi các mục tiêu về kết quả.

Ví dụ, theo cam kết trong khoản 2 Điều 1 EVFTA, Việt Nam có nghĩa vụ bảo đảm rằng các thủ tục hải quan được tiến hành dựa trên các phương pháp quản lý hiện đại và kiểm soát hiệu quả nhằm chống gian lận và bảo vệ thương mại hợp pháp. Như vậy, theo cam kết này, Việt Nam không bị ràng buộc nào về các biện pháp quản lý, kiểm soát cụ thể, do vậy Việt Nam cũng không bị buộc phải thay đổi pháp luật hiện hành liên quan theo hướng cụ thể nào (do đó, rà soát cho kết quả là pháp luật hải quan Việt Nam đã hoàn toàn tương thích). Tuy nhiên, cũng trong cam kết này, Việt Nam lại có nghĩa vụ bảo đảm rằng các biện pháp quản lý và kiểm soát đó đủ “hiện đại”, đủ “hiệu quả” để đạt được mục tiêu “chống gian lận và bảo vệ thương mại hợp pháp”. Nói cách khác, với cam kết như thế này, Việt Nam luôn luôn phải thực hiện nghĩa vụ theo cam kết EVFTA, để đạt được yêu cầu phương pháp “hiện đại”, “hiệu quả”, kết quả “chống gian lận và bảo vệ thương mại hợp pháp”, và khi đạt được rồi thì để duy trì được kết quả này. Nghĩa vụ này, vì thế được xem là nặng nề hơn nhiều so với việc chỉ đơn thuần là đưa các cam kết thành quy định trong các văn bản pháp luật.

Tương tự, điểm c khoản 1 Điều 3 yêu cầu Việt Nam phải đảm bảo “pháp luật hải quan loại bỏ được các gánh nặng không cần thiết và phân biệt đối xử đối với các chủ thể kinh doanh và tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể có mức độ tuân thủ cao đồng thời bảo đảm các biện pháp phòng vệ chống lại các hoạt động gian lận, bất hợp pháp gây thiệt hại”. Có thể thấy đây đều là các nghĩa vụ về mục tiêu, đòi hỏi Việt Nam cam kết ở kết quả thực thi cuối cùng thay vì những yêu cầu sửa đổi pháp luật cụ thể.

Cam kết tại các điểm khác tại khoản 1 Điều 3; khoản 2 Điều 3; Điều 4; khoản 1, 3, 4 Điều 5; khoản 1 Điều 6; Điều 7; Điều 8; khoản 1 Điều 10... của EVFTA cũng được thiết kế theo cách thức tương tự. Do vậy, để thực thi tốt các cam kết như thế này của EVFTA, trong khi có thể không buộc phải sửa các quy định pháp luật hải quan liên quan (do đa số đã tương thích), Việt Nam cần phải tập trung vào công tác thực thi nhằm bảo đảm hiệu quả các hoạt động hải quan trên thực tiễn. Trong bối cảnh hoạt động hải quan mặc dù đã có nhiều cải thiện trong thời gian qua nhưng vẫn ở khoảng cách xa so với hiệu quả mong muốn (ví dụ, Việt Nam tới nay vẫn đang đặt mục tiêu cố gắng đạt được mức độ cải thiện thủ tục hành chính ở mức ASEAN-6, ASEAN-4), trong bối cảnh năng lực, nguồn lực của cơ quan hải quan còn hạn chế và tình hình gian lận vẫn diễn biến phức tạp, nghĩa vụ bảo đảm thực thi cam kết EVFTA bằng “kết quả/hiệu quả thực thi” này là thách thức rất lớn đối với Việt Nam.

Do đó, để thực thi các cam kết dạng này của EVFTA, Việt Nam cần tiếp tục các nỗ lực cải cách thủ tục hải quan và các thủ tục liên quan (trong đó có thể bao gồm cả việc sửa đổi, chi tiết hóa pháp luật để tạo điều kiện cho thực thi mặc dù có thể không bị bắt buộc theo cam kết), đặc biệt tập trung vào các cơ chế cùng lúc cho phép bảo đảm nhiều mục tiêu của cam kết dưới đây:

- Tăng cường Cơ chế một cửa quốc gia: Cơ chế này sẽ cho phép hiện thực hóa các mục tiêu về hiện đại hóa phương thức trao đổi dữ liệu, phương pháp quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông qua, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại hợp pháp đồng thời có thể kiểm soát tương đối chính xác cá hành vi gian lận;
- Cải cách tổng thể các cơ chế kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu: Theo đánh giá của các chuyên gia, hiện có tới 30-35% hàng hóa là đối tượng kiểm tra chuyên ngành; thời gian kiểm tra chuyên ngành chiếm tới 72% tổng thời gian làm thủ tục hải quan của các hàng hóa này¹. Rà soát sơ bộ² cũng cho thấy nhóm này đang là nhóm có nguy cơ cao không tương thích với các cam kết EVFTA (đặc biệt liên quan tới các yêu cầu về phương pháp quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông qua, phí – lệ phí, hợp pháp hóa lãnh sự...). Do đó, việc rà soát, sửa đổi, cải cách hành chính với nhóm các cơ chế kiểm tra chuyên ngành này là có ý nghĩa quan trọng, thậm chí quyết định, đối với mục tiêu tạo thuận lợi thương mại, thực thi hiệu quả EVFTA.

Cải cách ở 02 mảng này cần sự phối hợp chặt chẽ của nhiều cơ quan liên quan với đầu mối là Cơ quan Hải quan cũng như cần nguồn lực lớn để cải thiện một bước cơ sở vật chất – kỹ thuật và đào tạo năng lực cho đội ngũ cán bộ Nhà nước và các doanh nghiệp tham gia và các cơ chế này. Do đó, các hỗ trợ kỹ thuật mà EU có thể cung cấp cho Việt Nam liên quan tới các cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại cũng cần đặc biệt chú ý tới mảng hoạt động quan trọng này.

1/ Báo cáo Chỉ số thương mại qua biên giới do Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế TW (CIEM) phối hợp với Dự án GIG – USAID công bố tháng 9/2015

2/ Khuyến nghị cần thực hiện rà soát chi tiết và tổng thể đối với nhóm thủ tục kiểm tra chuyên ngành này (dự kiến khoảng 200 văn bản thuộc 09 lĩnh vực quản lý chuyên ngành)

2. Nhóm các cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích một phần hoặc toàn bộ

:: Kết quả Rà soát

Trong so sánh với nhóm các cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong EVFTA mà pháp luật Việt Nam đã tương thích, các cam kết có nội dung mà pháp luật Việt Nam chưa tương thích có số lượng rất ít, mang tính đơn lẻ.

Từ góc độ pháp luật hải quan, hiện Việt Nam chỉ chưa tương thích với 01 cam kết trong EVFTA tại khoản 1 Điều 5 liên quan tới doanh nghiệp ưu tiên. Cụ thể, theo EVFTA thì Việt Nam phải đảm bảo cơ chế doanh nghiệp ưu tiên là minh bạch, hiệu quả để giảm chi phí và tăng tính khả đoán cho các chủ thể kinh doanh, bao gồm cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa, tuy nhiên pháp luật Việt Nam hiện lại đang quy định tiêu chí về kim ngạch xuất nhập khẩu tối thiểu ở mức rất cao mà thực tế sẽ không thể có doanh nghiệp nhỏ và vừa nào đáp ứng được. Tuy nhiên, cần chú ý là cam kết này của EVFTA còn yêu cầu về hiệu quả thực thi cơ chế doanh nghiệp ưu tiên, và thực tế áp dụng cơ chế doanh nghiệp ưu tiên của Việt Nam cũng chưa đáp ứng được yêu cầu này của cam kết.

Từ góc độ pháp luật về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu, mặc dù chưa được rà soát đầy đủ nhưng sơ bộ có thể thấy hệ thống này hiện chưa tương thích với ít nhất là 03 nhóm cam kết sau trong EVFTA:

- Cam kết liên quan tới việc áp dụng phương pháp quản lý hiện đại (quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông quan) tại khoản 1 Điều 1, khoản 3 Điều 5, khoản 1 Điều 7;
- Cam kết liên quan tới phí, lệ phí (không thu quá mức chi phí trung bình để thực hiện dịch vụ, không tính theo phần trăm trị giá hàng hóa) tại khoản 1 Điều 10;
- Cam kết liên quan tới hợp pháp hóa lãnh sự (không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự ngay đối với giấy tờ hải quan và sau 3 năm đối với các giấy tờ xuất nhập khẩu khác) tại khoản 2 Điều 10.

3/ Khoản 4 Điều 10 Nghị định 08/2015/NĐ-CP quy định về tiêu chí kim ngạch xuất nhập khẩu:

a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch 100 triệu USD/năm;

b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch 40 triệu USD/năm;

c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch 30 triệu USD/năm;

d) Đại lý thủ tục hải quan: số tờ khai làm thủ tục hải quan trong năm đạt 20.000 tờ khai/năm.

:: Đánh giá và Đề xuất

ĐỐI VỚI PHÁP LUẬT VỀ HẢI QUAN

Như đã đề cập, pháp luật về hải quan hiện chỉ còn 01 điểm chưa tương thích với cam kết EVFTA liên quan tới tiêu chí về kim ngạch xuất nhập khẩu tối thiểu để được tham gia vào cơ chế doanh nghiệp ưu tiên.

Giải pháp cho vấn đề này là điều chỉnh lại tiêu chí về kim ngạch xuất nhập khẩu tối thiểu (tức là sửa khoản 4 Điều 10 Nghị định 08/2015/NĐ-CP) để tiêu chí này không trở thành rào cản triệt tiêu cơ hội của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong việc tiếp cận được cơ chế này. Cụ thể, tiêu chí này cần sửa đổi theo hướng giảm bớt mức kim ngạch xuất nhập khẩu tối thiểu xuống tới mức mà doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể đáp ứng được.

Các lập luận về việc các nước khác cũng sử dụng các tiêu chí về kim ngạch ở mức tương ứng; hoặc về việc không thể mở rộng tiêu chí do không đảm bảo nguồn lực để áp dụng trên diện rộng; hoặc về việc nếu áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thì cơ chế này sẽ không còn là “ưu tiên” nữa... đều không làm thay đổi thực tế rằng đây là cam kết bắt buộc của Việt Nam trong EVFTA và Việt Nam có trách nhiệm thực thi cam kết này. Nói cách khác, không giống như cam kết tương tự trong TFA mà Việt Nam có thể căn cứ vào khả năng thực thi trên thực tế để lựa chọn thời điểm thực hiện, thậm chí là lựa chọn mức độ thực hiện, cam kết trong EVFTA tại Điều 5 này là bắt buộc thực hiện ngay tại thời điểm EVFTA có hiệu lực với Việt Nam.

ĐỐI VỚI PHÁP LUẬT VỀ KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH

Như đã đề cập, mặc dù chưa được rà soát đầy đủ, sơ bộ đã có thể xác định nhiều điểm chưa tương đồng giữa các quy định pháp luật thuộc nhóm này với các cam kết của EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại (đặc biệt liên quan tới phương pháp quản lý rủi ro).

Do đó, đối với nhóm này, cần thiết phải có rà soát chi tiết toàn bộ các hệ thống pháp luật về kiểm tra chuyên ngành (09 hệ thống, thuộc phạm vi quản lý của 09 quản lý ngành) để xác định những quy định không tương thích cụ thể của pháp luật Việt Nam với cam kết EVFTA về vấn đề này. Trên cơ sở rà soát chi tiết đó, pháp luật Việt Nam ở các điểm chưa tương thích cần phải được điều chỉnh để phù hợp với cam kết EVFTA.

Tại sao cần sửa đổi hệ thống pháp luật Việt Nam áp dụng chung cho phù hợp với các cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại

Về mặt nguyên tắc, Việt Nam chỉ có nghĩa vụ dành các đối xử theo các cam kết trong EVFTA nói chung và cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại nói riêng cho các chủ thể liên quan của EU.

Tuy nhiên, trong trường hợp các cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong EVFTA, cách thức này không áp dụng bởi ít nhất các lý do sau:

- Về mặt pháp lý, Chương 5 về hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong EVFTA sử dụng các thuật ngữ chung, quy định hoặc viện dẫn tới các vấn đề thuộc pháp luật hoặc thực tiễn áp dụng chung mà không giới hạn ở các vấn đề thuộc riêng cho bất kỳ chủ thể nào, kể cả chủ thể EU. Việt Nam, do đó, đã cam kết về hệ thống pháp luật chung áp dụng cho tất cả các chủ thể chứ không chỉ riêng cho chủ thể EU;
- Về thực tiễn, ngay cả khi EVFTA chỉ bao gồm các cam kết về hải quan và tạo thuận lợi thương mại dành riêng cho các chủ thể xuất nhập khẩu của hai Bên, trong thực tiễn triển khai thủ tục hải quan, hầu như rất khó để duy trì song song 02 hệ thống hải quan và kiểm tra chuyên ngành, một áp dụng chung, một chỉ áp dụng cho một nhóm chủ thể nhất định, liên quan tới hàng hóa xuất, nhập khẩu tới hoặc từ EU.

Do đó, trong khi với các cam kết ở nhiều Chương khác của EVFTA (ví dụ Mua sắm công, Đầu tư...) các giải pháp liên quan tới sửa đổi pháp luật thường phải được cân nhắc giữa 02 lựa chọn: hoặc là sửa đổi pháp luật chung để áp dụng chung cho tất cả các đối tượng, hoặc là chỉ sửa đổi pháp luật để áp dụng riêng cho các trường hợp thuộc phạm vi điều chỉnh của EVFTA thì với các cam kết liên quan tới hải quan và tạo thuận lợi thương mại, chỉ có 01 giải pháp duy nhất về pháp lý là sửa đổi pháp luật liên quan áp dụng chung cho tất cả các đối tượng.

3. Nhóm các cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa về nội dung

Như đã đề cập, một phần lớn các nội dung cam kết trong EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại (bao gồm một số Điều trong Chương 5 và toàn bộ Chương 20 EVFTA) là các vấn đề thuộc về hợp tác hành chính và phối hợp hoạt động giữa các cơ quan Hải quan Việt Nam và EU:

- Chương 5 bao gồm các cam kết liên quan tới cam kết về hợp tác trao đổi thông tin và các vấn đề liên quan tới Ủy ban đặc biệt về hải quan sẽ được Việt Nam và EU thành lập;
- Chương 20 EVFTA thực chất là thay thế cho một Hiệp định tương trợ lẫn nhau về hành chính trong lĩnh vực hải quan mà các nước (trong đó có Việt Nam) thường đàm phán và ký kết riêng rẽ, với các nội dung liên quan chủ yếu tới việc phối hợp trong trao đổi thông tin, điều tra, xử lý đối với các trường hợp cụ thể nhằm ngăn chặn và đấu tranh chống gian lận thương mại trong hoạt động hải quan.

Những vấn đề này vốn không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa về nội dung (tập hợp các quy phạm áp dụng trực tiếp cho hoạt động của tổ chức, cá nhân liên quan tới các thủ tục, quy trình hải quan và các vấn đề liên quan), do đó không thuộc phạm vi của Rà soát này.

Mặc dù vậy, trong quá trình thực thi các cam kết thuộc nhóm này, các cơ quan liên quan (đặc biệt là cơ quan Hải quan) vẫn rất cần chú ý việc rà soát các quy trình hoạt động nội bộ, xây dựng các cơ chế mới phù hợp cam kết, để triển khai thực thi hiệu quả các cam kết thuộc nhóm này.

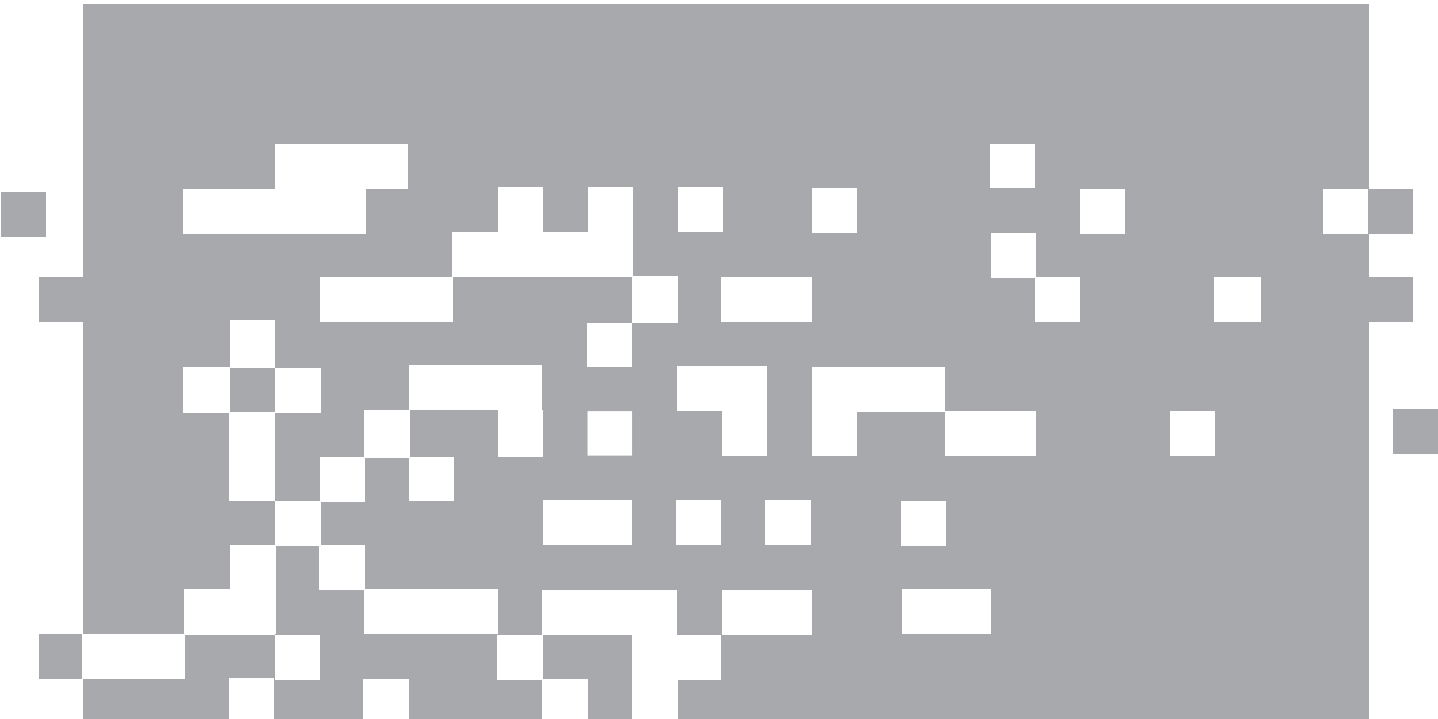
Tóm lại

Rà soát pháp luật hải quan Việt Nam với các cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại cho thấy trong tổng thể pháp luật Việt Nam đã cơ bản tương thích với yêu cầu của EVFTA về vấn đề này. Hiện chỉ còn 01 quy định trong pháp luật hải quan là chưa tuân thủ EVFTA (liên quan tới cơ hội cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận cơ chế doanh nghiệp ưu tiên). Tuy nhiên, cam kết EVFTA trong lĩnh vực này không chỉ yêu cầu về pháp luật mà nhiều trường hợp đòi hỏi hiệu quả thực tế thực thi. Do đó, trong khi về mặt pháp luật, Việt Nam sẽ chỉ phải tiến hành 01 sửa đổi văn bản pháp luật liên quan, trong thực tiễn cải cách thủ tục hải quan và minh bạch hóa các quy định hải quan, Việt Nam cần rất nhiều nỗ lực cải thiện để có thể thực thi đầy đủ các cam kết trong EVFTA về vấn đề này.

Mặc dù chưa thực hiện rà soát nhưng sơ bộ có thể thấy pháp luật chuyên ngành trong các lĩnh vực hiện có quy định về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu (thuộc 09 lĩnh vực) hiện đang có các quy định chưa tương thích với cam kết EVFTA, ít nhất trong các vấn đề (i) phương pháp quản lý rủi ro, kiểm tra sau thông quan; (ii) phí, lệ phí và (iii) hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ trong hồ sơ xuất nhập khẩu.

Trong tổng thể, để thực thi hiệu quả các cam kết EVFTA về hải quan và tạo thuận lợi thương mại, Việt Nam cần:

- Tiếp tục tăng cường cải cách thủ tục hải quan, đặc biệt là từng bước triển khai đầy đủ và hiệu quả Cơ chế một cửa quốc gia;
- Rà soát pháp luật về kiểm tra chuyên ngành, phát hiện các điểm chưa tương thích, sửa đổi pháp luật chuyên ngành cho phù hợp với EVFTA đồng thời tăng cường cải cách thủ tục kiểm tra chuyên ngành để thủ tục này theo kịp bước cải cách chung trong hệ thống hải quan, mang lại lợi ích chung cho toàn hệ thống.



Phần thứ hai

Bảng tổng hợp kết quả rà soát

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình hoặc do điều kiện chưa xảy ra...)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi
- Cam kết về thủ tục hợp tác/trao đổi giữa VN-EU, không thuộc phạm vi của PL nội địa

Cam kết EVFTA	Nhóm cam kết cụ thể
ARTICLE 1 Objectives/Mục tiêu	Cam kết ghi nhận tầm quan trọng của vấn đề hải quan và tạo thuận lợi thương mại trong phát triển thương mại Cam kết hợp tác nhằm thúc đẩy thương mại và kiểm soát hiệu quả
ARTICLE 2 Customs cooperation and mutual administrative assistance/ Hợp tác và tương trợ hành chính trong lĩnh vực hải quan	Cam kết hợp tác giữa các cơ quan hải quan hai Bên
ARTICLE 3 Customs and legislative procedures/ Pháp luật và thủ tục hải quan	Cam kết bảo đảm các quy định và thủ tục hải quan của mình dựa trên các tiêu chuẩn trong Công ước Kyoto, Công ước HS;
ARTICLE 4 Release of Goods/Giải phóng hàng	Cam kết pháp luật quy định thời gian giải phóng hàng không dài hơn mức cần thiết để bảo đảm các thủ tục hải quan, nỗ lực giảm thời gian giải phóng hàng
ARTICLE 5 Simplified Customs Procedures/Thủ tục hải quan ưu tiên	Cam kết quy định về thủ tục hải quan ưu tiên (rút gọn) minh bạch, hiệu quả cho tất cả các chủ thể, trong đó có SMEs Tiêu chí hưởng thủ tục hải quan ưu tiên phải bảo đảm khách quan, không phân biệt đối xử
	Cam kết thúc đẩy việc hình thành và sử dụng các hệ thống trao đổi thông tin điện tử giữa các cơ quan có thẩm quyền về hải quan và doanh nghiệp

Cam kết bảo đảm pháp luật không phân biệt đối xử, thủ tục hải quan dựa trên các phương pháp hiện đại và kiểm soát hiệu quả để chống gian lận

Cam kết ghi nhận các mục tiêu công cộng và không thỏa hiệp trọng đấu tranh chống gian lận, bảo vệ thương mại hợp pháp

Cam kết hợp tác trong trao đổi thông tin, xây dựng các sáng kiến chung về thủ tục XNK và hải quan, tăng cường hợp tác trong khuôn khổ các tổ chức quốc tế, thiết lập các chương trình công nhận chung

Cam kết tương trợ hành chính lẫn nhau trong lĩnh vực hải quan theo Nghị định thư X (kèm EVFTA)

Cam kết pháp luật hải quan loại bỏ các yêu cầu không cần thiết, phân biệt đối xử; được thực thi hiệu quả và các biện pháp xử lý tương xứng, không phân biệt đối xử, không làm chậm trễ việc giải phóng hàng

Cam kết đơn giản hóa các điều kiện và thủ tục khi có thể, nỗ lực hướng tới việc đơn giản hóa, tiêu chuẩn hóa các dữ liệu và giấy tờ yêu cầu

Cam kết quy định về việc khai và xử lý hồ sơ hải quan điện tử trước khi hàng đến để giải phóng hàng ngay khi đến

Cam kết bảo đảm chỉ yêu cầu một Tờ khai hải quan duy nhất cho hàng hóa

Cam kết áp dụng các phương pháp hải quan hiện đại, bao gồm cả các quy trình đánh giá rủi ro, kiểm soát sau thông quan

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình hoặc do điều kiện chưa xảy ra...)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi
- Cam kết về thủ tục hợp tác/trao đổi giữa VN-EU, không thuộc phạm vi của PL nội địa

Cam kết EVFTA	Nhóm cam kết cụ thể
ARTICLE 6 Transit and Transhipment/ Quá cảnh và chuyển khẩu	Cam kết đảm bảo tạo thuận lợi và kiểm soát hiệu quả hoạt động quá cảnh, chuyển khẩu
ARTICLE 7 Risk Management / Quản lý rủi ro	Cam kết thực hiện việc kiểm tra và giải phóng hàng hóa theo phương pháp quản lý rủi ro
ARTICLE 8 Transparency / Minh bạch	Cam kết bảo đảm các quy định về hải quan được công khai, sẵn có
ARTICLE 9 Advance Rulings/ Xác định trước	Cam kết ban hành quyết định xác định trước bằng văn bản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân nhập khẩu về phân loại hàng hóa và các vấn đề khác
ARTICLE 10 Fees and charges / Phí, lệ phí	Cam kết chỉ thu phí, lệ phí liên quan tới việc xuất, nhập khẩu; mức phí không vượt quá chi phí thực hiện dịch vụ, không tính trên phần trăm giá trị hàng hóa
ARTICLE 11 Customs Brokers / Đại lý hải quan	Cam kết không bắt buộc sử dụng đại lý hải quan;
ARTICLE 12 Customs valuation / Trị giá hải quan	Cam kết tuân thủ Hiệp định về xác định trị giá hải quan của WTO
ARTICLE 13 Pre-shipment Inspections / Kiểm tra trước khi xếp hàng	Cam kết không yêu cầu các thủ tục kiểm tra hồ sơ hải quan trước khi xếp hàng như định nghĩa theo Hiệp định về kiểm tra trước khi xếp lên tàu

Cam kết áp dụng phương pháp quản lý rủi ro cho hàng quá cảnh, chuyển khẩu

Cam kết chỉ định một hoặc một số điểm thông tin để giải đáp thắc mắc về hải quan cho các tổ chức, cá nhân

Cam kết đăng tải công khai các kết quả xác định trước về phân loại hàng hóa (trừ các thông tin mật)

Cam kết trao đổi cập nhật các thay đổi pháp luật về xác định trước

Cam kết không yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với giấy tờ trong hồ sơ hải quan; cam kết sau 03 năm sẽ bỏ yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với việc nhập khẩu

Cam kết bảo đảm việc cấp phép đại lý hải quan minh bạch, tương xứng và không phân biệt đối xử

Cam kết hợp tác để có quan điểm chung về vấn đề xác định trị giá hải quan

Cam kết không yêu cầu bất kỳ hoạt động kiểm tra nào tại điểm đến trước khi thông quan bởi các công ty tư nhân

Ghi chú:

- Cam kết mà Việt Nam không/chưa phải thực hiện (do bảo lưu, do không bắt buộc, do chưa đến lộ trình hoặc do điều kiện chưa xảy ra...)
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng hoàn toàn
- Cam kết mà PLVN đã đáp ứng một phần
- Cam kết mà PLVN chưa đáp ứng, phải sửa đổi
- Cam kết về thủ tục hợp tác/trao đổi giữa VN-EU, không thuộc phạm vi của PL nội địa

Cam kết EVFTA	Nhóm cam kết cụ thể
ARTICLE 14 Review and Appeal / Rà soát và Phúc thẩm	Cam kết bảo đảm các thủ tục hiệu quả, nhanh chóng, không phân biệt đối xử, dễ tiếp cận, để khiếu nại, khiếu kiện các quyết định hành chính của cơ quan hải quan liên quan tới việc xuất, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa
ARTICLE 15 Relations with the Business Community / Quan hệ với cộng đồng DN	Cam kết ghi nhận sự cần thiết phải có tham vấn giữa đại diện DN và cơ quan hải quan về các quy định và thủ tục hải quan; và cần phải thiết lập cơ chế tham vấn này
ARTICLE 16 Special committee on Customs / Ủy ban đặc biệt về hải quan	Cam kết về Ủy ban đặc biệt về hải quan (chức năng, nhiệm vụ)

Cam kết công khai các quy định, thủ tục về hải quan; các thông báo hành chính của cơ quan hải quan về giờ giấc, thủ tục hải quan

Cam kết đảm bảo khoảng cách hợp lý giữa thời điểm ban hành và thời điểm có hiệu lực của VBPL về hải quan

Cam kết bảo đảm các thủ tục hải quan ít hạn chế thương mại, đáp ứng nhu cầu DN, theo thực tiễn tốt

Phần thứ ba
Bảng rà soát chi tiết

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Chapter 5: CUSTOMS AND TRADE FACILITATION Article 1 Objectives		
1. The Parties recognise the importance of customs and trade facilitation matters in the evolving global trading environment. The Parties agree to reinforce cooperation in this area with a view to ensuring that the legislation and procedures fulfil the objectives of promoting trade facilitation while ensuring effective customs control.	- Điều 3, Điều 6, Điều 8 Luật Hải quan 2014¹ - Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật 2015 và Luật Hải quan 2014 Điều 3. Chính sách về hải quan 1. Nhà nước Việt Nam tạo điều kiện thuận lợi về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam. 2. Xây dựng Hải quan Việt Nam trong sạch, vững mạnh, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động minh bạch, hiệu lực, hiệu quả. Điều 6. Hoạt động hợp tác quốc tế về hải quan 1. Hoạt động hợp tác quốc tế về hải quan bao gồm: b) Tổ chức khai thác, trao đổi thông tin và hợp tác nghiệp vụ với Hải quan các nước, các tổ chức quốc tế có liên quan;	Đánh giá: PLVN đã phù hợp với cam kết tại Điều 1 về các chính sách và nguyên tắc về hoạt động hải quan Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật
2. To this end, the Parties agree that legislation shall be non-discriminatory and that customs procedures shall be based upon the use of modern methods and effective controls to combat fraud and to promote legitimate trade.	Điều 2, 8 Luật Hải quan 2014 Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải.	Đánh giá: Pháp luật hải quan nói riêng và PLVN liên quan tới quy trình xuất nhập khẩu hàng hóa nói chung hiện được áp dụng chung cho tất cả các

1/ Luật số 54/2014/QH13 của Quốc hội ngày 23 tháng 6 năm 2014 về Hải quan ("Luật Hải quan 2014")

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	2. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phương tiện vận tải. Điều 8. Hiện đại hóa quản lý hải quan 1. Nhà nước ưu tiên đầu tư thiết bị kỹ thuật, phương tiện hiện đại, công nghệ tiên tiến để bảo đảm hiệu quả quản lý hải quan; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghệ và phương tiện kỹ thuật tiên tiến để bảo đảm áp dụng phương pháp quản lý hải quan hiện đại. Tổ chức, cá nhân hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu có trách nhiệm tham gia xây dựng, thực hiện giao dịch điện tử và thủ tục hải quan điện tử. 2. Hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật trao đổi dữ liệu điện tử, giá trị pháp lý của chứng từ điện tử trong việc thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.”	chủ thể, vì vậy đã đảm bảo yêu cầu về “không phân biệt đối xử” tại cam kết của Hiệp định ở khoản 2 này; • Luật Hải quan quy định đối tượng điều chỉnh chung, các quy định của Luật Hải quan cũng như các văn bản hướng dẫn cũng áp dụng chung cho tất cả các nhóm đối tượng (không phân biệt Việt Nam hay nước ngoài). Vì vậy PLVN đã tuân thủ EVFTA về vấn đề này • Về việc sử dụng các phương pháp hiện đại và hiệu quả: PLVN về hải quan đã quy định về phương pháp quản lý hải quan điện tử; phương pháp quản lý dựa trên cơ sở nguyên tắc quản lý/đánh giá rủi ro và kiểm tra sau thông quan. Tuy nhiên, pháp luật chuyên ngành về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu hiện vẫn chưa áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại (vẫn kiểm tra từng lô hàng, chỉ được thông quan sau khi có kết quả kiểm tra chuyên ngành...) • Về việc kiểm soát hiệu quả để chống gian lận và thúc đẩy thương mại hợp pháp: PLVN quy định về các biện pháp kiểm soát hải quan; còn mức độ hiệu quả thì thuộc vấn đề thực thi, không đánh giá được qua pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật hải quan • Về thực thi: Tăng cường các hoạt động nhằm tăng hiệu quả của việc kiểm soát chống gian lận và tạo điều kiện cho thương mại hợp pháp phát triển • Đề xuất tiến hành Rà soát sự tương thích của pháp luật chuyên ngành về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu với cam kết này của Hiệp định
3. The Parties recognise that legitimate public policy objectives, including in relation to security, safety and fight against fraud shall not be compromised in any way.	- Luật Ban hành VBQPPL 2015² Điều 5. Nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật 5. Bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, không làm cản trở việc thực hiện các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.	Đánh giá: PLVN đã phù hợp với cam kết tại khoản 3 Điều 1 EVFTA. Ngoài ra, cần chú ý rằng đây là quyền, không phải nghĩa vụ bắt buộc trong EVFTA. Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật.
Article 2 Customs cooperation and mutual administrative assistance 1. The Parties shall cooperate on customs matters between their respective authorities in order to ensure that the objectives set out in Article 1 are attained.	- Điều 6 Luật Hải quan 2014	Đánh giá: Đây là vấn đề phối hợp hành chính giữa cơ quan có thẩm quyền của EU và VN, không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật nội địa về hải quan (không điều chỉnh hành vi của các chủ thể xuất nhập khẩu).

2/ Luật số 80/2015/QH13 của Quốc hội ngày 22 tháng 6 năm 2015 về Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ("Luật Ban hành VBQPPL 2015")

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
2. The Parties shall develop cooperation, inter alia: (a) exchanging information concerning customs legislation, its implementation, and customs procedures; particularly in the following areas: - simplification and modernisation of customs procedures, - enforcement of intellectual property rights by the customs authorities, - facilitation of transit movements and transshipment; - relations with the business community, (b) considering developing joint initiatives relating to import, export and other customs procedures including technical assistance, as well as towards ensuring an effective service to the business community; (c) strengthening their cooperation in the field of customs in international organisations such as the World Trade Organisation (WTO) and the World Customs Organisation (WCO). (d) establishing, where relevant and appropriate, mutual recognition of trade partnership programmes and customs controls including equivalent trade facilitation measures. 3. The Parties shall provide each other with mutual administrative assistance in customs matters in accordance with the provisions of Protocol X.		Đề xuất • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật; • Nếu cần thiết có thể ban hành Thông tư riêng về quy trình hợp tác, phối hợp hành chính giữa EU-VN (với nội dung là các cam kết tại Protocol X và ghi nhận nguyên tắc tại Điều 2 này của EVFTA) để áp dụng chỉ cho các Cơ quan, cán bộ thuộc các Cơ quan liên quan.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Article 3 Customs and legislative procedures 1. The Parties agree that their respective customs provisions and procedures shall be based upon: (a) international instruments and standards applicable in the area of customs and trade, including the substantive elements of the Revised Kyoto Convention on the Simplification and Harmonisation of Customs Procedures, the International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System (hereinafter referred as “HS Convention”), the Framework of Standards to Secure and Facilitate Global Trade of the World Customs Organisation and the Customs Data Model of the World Custom Organization; (b) the protection of legitimate trade through effective enforcement and compliance of legislative requirements; (c) legislation that avoids unnecessary or discriminatory burdens on economic operators, that provides for further facilitation for operators with high levels of compliance, and that ensures safeguards against fraud and illicit or damageable activities;	- Việt Nam đã tham gia Công ước Kyoto về đơn giản hóa và hài hòa hóa thủ tục hải quan; Công ước quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan thế giới (Công ước HS); Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Hải quan thế giới. - Điều 3, Điều 9, Điều 26.3, Điều 37 Luật Hải quan 2014 - Điều 13, Điều 15 Nghị định 08/2015/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 21/01/2015 về quy định chi tiết và biện pháp thi hành luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Luật Hải quan 2014 Điều 26. Phân loại hàng hóa 3. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xây dựng trên cơ sở áp dụng đầy đủ Công ước quốc tế về hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa. Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 13. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan 1. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra và các biện pháp nghiệp vụ khác dựa trên việc tổng hợp, xử lý các kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro.	Đánh giá - Việt Nam đã tham gia và đã có văn bản thực thi để áp dụng các công ước quốc tế theo quy định của Điều 3 Chương Hải quan của Hiệp định EVFTA - Các quy tắc về minh bạch, giảm thiểu thời gian không cần thiết trong khi tiến hành thủ tục hải quan đã được thể hiện trong chính sách của Việt Nam và trong việc thí điểm các biện pháp nhằm rút ngắn thời gian tiến hành thủ tục hải quan. - Các quy định, thủ tục, biện pháp trong PLVN về hải quan không phân biệt đối xử giữa các nhóm chủ thể khác quốc tịch; - PLVN quy định việc kiểm soát hải quan thông qua cơ chế phân loại theo mức độ rủi ro, qua đó giảm thủ tục đối với các trường hợp ít rủi ro, tạo điều kiện cho thương mại hợp pháp; - PLVN đã có quy định xử lý các trường hợp cụ thể nhằm hạn chế việc chậm trễ trong thông quan - Về hiệu quả bảo đảm không tạo gánh nặng/vướng mắc không cần thiết; bảo vệ thương mại hợp pháp thông qua các biện pháp thực thi hiệu quả: VN đã có những cải cách

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(d) measures, procedures and remedies shall be proportionate and non-discriminatory and in their application shall not unduly delay the release of goods;	Điều 15. Thực hiện phân loại mức độ rủi ro 1. Việc phân loại mức độ rủi ro trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được thực hiện dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan. 2. Trong quá trình phân loại mức độ rủi ro, cơ quan hải quan xem xét các yếu tố liên quan, gồm: a) Chính sách quản lý, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hành lý của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b) Tính chất, đặc điểm của hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải; c) Tần suất, tính chất, mức độ vi phạm liên quan đến hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải; d) Xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; đ) Tuyến đường, phương thức vận chuyển hàng hóa, hành lý; e) Các yếu tố khác liên quan đến quá trình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh. 3. Cơ quan hải quan thực hiện đánh giá phân loại rủi ro đối với người khai hải quan, các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo các mức độ khác nhau để áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan, thanh tra phù hợp.	được ghi nhận về vấn đề này. Tuy nhiên, đây là vấn đề thuộc về thực tế thực thi, chưa đo đếm định lượng chính xác được Đề xuất: Không đề xuất sửa đổi, chỉnh sửa gì về pháp luật Chú ý công tác thực thi: tiếp tục tăng cường cải cách thủ tục hành chính để tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại hợp pháp.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
2. In order to improve working methods, as well as to ensure non-discrimination, transparency, efficiency, integrity and accountability of operations, the Parties shall: (a) simplify and review requirements and formalities wherever possible; in respect of the rapid release and clearance of goods, inter alia allowing the release of goods, without the payment of customs duties, subject to the provision of a guarantee, if required, according to legislation of the Parties, in order to secure the final payment of customs duties. (b) work towards the further simplification and standardisation of data and documentation required by customs and other agencies;	- Điều 37 Luật Hải quan 2014 - Nghị định 08/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Hải quan về thủ tục hải quan - Quyết định 48/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng ngày 31/08/2011 về việc thí điểm thực hiện Cơ chế hải quan một cửa quốc gia - Thông tư liên tịch số 84/2013/TTLT-BTC-BTC-BGTVT hướng dẫn thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia về hải quan giữa 03 Bộ - Nghị định 16/2013/NĐ-CP về rà soát, hệ thống hoá pháp luật - Điều 170 Luật ban hành VBQPPL 2015 Các Nghị quyết 19 năm 2014, 2015 của Chính phủ và Luật Hải quan 2014 Điều 37. Thông quan hàng hóa 1. Hàng hóa được thông quan sau khi đã hoàn thành thủ tục hải quan. 2. Trường hợp người khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan nhưng chưa nộp, nộp chưa đủ số thuế phải nộp trong thời hạn quy định thì hàng hóa được thông quan khi được tổ chức tín dụng bảo lãnh về số tiền thuế phải nộp hoặc được áp dụng thời hạn nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế. 3. Trường hợp chủ hàng hóa bị xử phạt vi phạm hành chính về hải quan bằng hình thức phạt tiền và hàng hóa đó được phép xuất khẩu, nhập	Đánh giá: • PLVN đã có quy định về việc thường xuyên rà soát các văn bản pháp luật (suy đoán là rà soát cả các yêu cầu và thủ tục nêu trong các văn bản này) • PLVN đã có quy định cho phép giải phóng và thông quan nhanh khi chưa nộp thuế hải quan mà chỉ cần nộp khoản bảo lãnh; • Pháp luật và thực tiễn VN đã có các quy định hướng tới việc đơn giản hóa và tiêu chuẩn hóa (thông qua phương tiện điện tử) các dữ liệu và tài liệu mà cơ quan hải quan và các cơ quan liên quan yêu cầu Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật • Đẩy nhanh tiến trình hiện thực hóa Cơ chế một cửa quốc gia về hải quan • Tiếp tục các nỗ lực hiện tại trong cải cách thủ tục hành chính về hải quan (Nghị quyết 19 của Chính phủ) để đảm bảo mục tiêu nêu tại Khoản này của EVFTA trong việc đơn giản

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	khẩu thì hàng hóa có thể được thông quan nếu đã nộp phạt hoặc được tổ chức tín dụng bảo lãnh về số tiền phải nộp để thực hiện quyết định xử phạt của cơ quan hải quan hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 4. Đối với hàng hóa phải kiểm tra, phân tích, giám định để xác định có đủ điều kiện được xuất khẩu, nhập khẩu, cơ quan hải quan chỉ thực hiện thông quan hàng hóa sau khi xác định hàng hóa được xuất khẩu, nhập khẩu trên cơ sở kết luận kiểm tra, phân tích, giám định hoặc thông báo miễn kiểm tra của cơ quan kiểm tra chuyên ngành theo quy định của pháp luật. 5. Hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp; hàng hóa chuyên dùng phục vụ an ninh, quốc phòng; túi ngoại giao, túi lãnh sự, hành lý của cơ quan, tổ chức, cá nhân được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ được thông quan theo quy định tại Điều 50 và Điều 57 của Luật này. Luật Ban hành VBQPPL 2015 Điều 170. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật 1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan, tổ chức và công dân có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật. 2. Hoạt động rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản. Hoạt động hệ thống hóa văn bản phải được tiến hành định kỳ, kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực. 3. Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; các cơ quan nhà nước quyết định rà soát theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước. 4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này. Luật Hải quan, Nghị định 08/2015/NĐ-CP có các Điều khoản dự liệu về Cơ chế một cửa quốc gia Quyết định 48/2011/QĐ-TTg về thí điểm thực hiện cơ chế hải quan một cửa quốc gia - Điều 2: Thực hiện thí điểm với 6 Bộ; với một số nội dung được liệt kê - Điều 3: Nguyên tắc về trách nhiệm của doanh nghiệp trong tham gia cơ chế một cửa quốc gia Thông tư liên tịch số 84/2013/TTLT-BTC-BCT-BGTVT hướng dẫn thực	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	hiện Cơ chế một cửa quốc gia về hải quan giữa 03 Bộ: Các quy định về cách thức triển khai, phối hợp giữa các cơ quan và với doanh nghiệp trong thí điểm cơ chế một cửa ở các nội dung nhất định Nghị định 16/2013/NĐ-CP về rà soát, hệ thống hóa pháp luật Điều 3, 4: hoạt động rà soát VBPL phải được rà soát thường xuyên, ngay khi có căn cứ cho việc rà soát nhằm phát hiện quy định không còn phù hợp với tình hình	
Article 4 Release of Goods Each Party shall ensure that its customs shall apply requirements and procedures that: 1. provide for the release of goods within a period no greater than that required to ensure compliance with its customs and other trade-related laws and formalities. Each party shall work to further reduce release times and release the goods without undue delay; 2. provide for advance electronic submission and eventual processing of information before physical arrival of goods, so-called pre-arrival processing, to enable the release of goods on arrival.	- Điều 25, Điều 29, Điều 33, Điều 34, Điều 36, Điều 37 Luật Hải quan - Nghị định 08/2015/NĐ-CP - Quyết định 48/2011/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Luật Hải quan 2014 Điều 25. Thời hạn nộp hồ sơ hải quan 1. Thời hạn nộp tờ khai hải quan được quy định như sau: b) Đối với hàng hóa nhập khẩu, nộp trước ngày hàng hóa đến cửa khẩu hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu; Điều 37: Thông quan hàng hóa trong các trường hợp khác nhau (trong đó có các trường hợp cho phép đẩy nhanh việc thông quan) Điều 29: Khai hải quan thực hiện theo phương thức điện tử	Đánh giá: PLVN đã đáp ứng yêu cầu của EVFTA về việc: • thông quan hàng nhanh chóng và tiếp tục giảm thời gian giải phóng hàng • làm thủ tục hải quan điện tử và xử lý tờ khai điện tử trước khi hàng đến để tạo điều kiện cho việc thông quan hàng ngay khi hàng đến Đề xuất: Không cần sửa đổi, bổ sung gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Điều 30, 33: Việc kiểm tra thực tế chỉ giới hạn ở những trường hợp được quy định cụ thể Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 7. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia Việc khai hải quan, tiếp nhận, xử lý thông tin của người khai, tiếp nhận kết quả xử lý, ra quyết định cuối cùng về thông quan đều được thực hiện thông qua hệ thống thông tin tích hợp (điện tử) – Công thông tin một cửa quốc gia Điều 25 quy định khai hải quan phải thực hiện theo phương thức điện tử (trừ một số ít trường hợp được liệt kê)	
Article 5 Simplified Customs Procedures		
1. Each Party shall provide for simplified customs procedures that are transparent and efficient in order to reduce costs and increase predictability for economic operators, including for small and medium sized enterprises. Easier access to customs simplifications shall also be provided for authorised traders according to objective and non-discriminatory criteria.	- Điều 17, 24, 30, 33, 36, 37 Luật Hải quan 2014 - Mục 2 - Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp Luật Hải quan 2014 - Nghị định 08/2015/NĐ-CP - Thông tư 72/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 12/05/2015 về quy định áp dụng chế độ ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp và	Đánh giá: PLVN cơ bản đã đáp ứng yêu cầu của EVFTA tại khoản này trừ Liên quan tới SME: PLVN quy định các tiêu chí/điều kiện để được hưởng cơ chế ưu tiên, trong đó có tiêu chí/điều kiện về kim ngạch XNK hàng năm. Với điều kiện này, hầu như các doanh nghiệp SME sẽ không thể tiếp cận cơ chế ưu tiên trong thủ tục hải quan này (trừ trường hợp SME làm thủ tục hải quan thông qua đại lý hải quan đáp ứng các tiêu

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Luật Hải quan 2014 Điều 42. Điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên 1. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế trong 02 năm liên tục; b) Có kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng năm đạt mức quy định; c) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử, thủ tục thuế điện tử; có chương trình công nghệ thông tin quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp nối mạng với cơ quan hải quan; d) Thực hiện thanh toán qua ngân hàng; đ) Có hệ thống kiểm soát nội bộ; e) Chấp hành tốt quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán. 2. Doanh nghiệp ưu tiên thuộc quốc gia, vùng lãnh thổ có ký thỏa thuận công nhận lẫn nhau về doanh nghiệp ưu tiên với Việt Nam được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật này. 3. Chính phủ quy định chi tiết điều kiện, thủ tục công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ, chế độ ưu tiên, việc quản lý đối với doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên.	chí/điều kiện và được hưởng cơ chế ưu tiên); - Có quan điểm cho rằng nếu hạ thấp các điều kiện về kim ngạch để đảm bảo cơ hội cho SME thì sẽ khiến cho cơ chế doanh nghiệp ưu tiên không còn là “ưu tiên” mà trở thành đại trà, không đúng với bản chất của cơ chế. Quan điểm này dường như không thuyết phục bởi (i) Về pháp lý, đây là cam kết bắt buộc trong EVFTA, do đó Việt Nam bắt buộc phải thực hiện mà không thể lập luận về tính hợp lý hay không hợp lý; (ii) Về bản chất, chế độ doanh nghiệp ưu tiên thực chất là chế độ hải quan rút gọn áp dụng cho doanh nghiệp có lịch sử tuân thủ pháp luật hải quan tốt, chứ không phải là chế độ chỉ dành cho nhóm nhỏ mang tính ưu tiên (chú ý là bản thân EVFTA không dùng thuật ngữ “ưu tiên” – mà là “thủ tục hải quan tối giản/giản tiện”) - Trên thực tế, theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tính đến 7/2015 cả nước mới chỉ có 39 doanh nghiệp ưu tiên (với kim ngạch chiếm khoảng 25% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2014) trong tổng số khoảng 50.000 doanh nghiệp đang có hoạt động xuất nhập khẩu. Như vậy, doanh nghiệp nhỏ và vừa hầu như không có cơ hội nào để tiếp cận được cơ chế doanh nghiệp ưu tiên này. Ngoài ra, bản thân các doanh nghiệp thuộc danh sách doanh nghiệp ưu tiên cũng gặp các vấn đề khó khăn trong triển khai cơ chế này

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Điều 43. Chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp 1. Miễn kiểm tra chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa trong quá trình thực hiện thủ tục hải quan, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc kiểm tra ngẫu nhiên để đánh giá sự tuân thủ pháp luật. 2. Được làm thủ tục hải quan bằng tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc kể từ ngày nộp chứng từ thay thế tờ khai hải quan, người khai hải quan phải nộp tờ khai hải quan hoàn chỉnh và các chứng từ liên quan thuộc hồ sơ hải quan. 3. Được ưu tiên khi thực hiện thủ tục về thuế đối với hàng hóa theo quy định của pháp luật về thuế. Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 10 – Điều kiện để được áp dụng chế độ ưu tiên 1. Tuân thủ pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế Trong thời hạn 02 năm liên tục tính đến thời điểm doanh nghiệp nộp văn bản đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên, doanh nghiệp không vi phạm các quy định của pháp luật về thuế, hải quan tới mức bị xử lý vi phạm về các hành vi sau:	(chủ yếu tập trung vào các vướng mắc về quy trình kỹ thuật, ví dụ phân nhằm hàng vào các luồng khác, yêu cầu hồ sơ giấy cho bộ hồ sơ điện tử...). Do đó, từ góc độ thực tế, Việt Nam chưa đảm bảo một cơ chế doanh nghiệp ưu tiên minh bạch, hiệu quả, khả đoán và tiết kiệm chi phí như yêu cầu của EVFTA. Đề xuất: • Đề xuất cân nhắc điều chỉnh lại các quy định cụ thể tại các khoản 4,5,6 Điều 10 Nghị định 08/2015/NĐ-CP về tiêu chí/điều kiện về kim ngạch XNK hàng năm theo hướng: Giảm mức kim ngạch xuống cho phù hợp với năng lực xuất nhập khẩu trung bình của đa số các SMEs. • Trong trường hợp chưa thể áp dụng chung thì cần có Thông tư hướng dẫn riêng về tiêu chí/điều kiện ưu tiên này, áp dụng cho hàng hóa xuất, nhập khẩu giữa Việt Nam và EU để thực hiện EVFTA. Và áp dụng chung (qua việc sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP) ngay khi thích hợp. • Về thực tiễn: cần tiếp tục rà soát các vướng mắc thực tiễn để đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm và khả đoán của cơ chế doanh nghiệp ưu tiên, đặc biệt khi cơ chế này được sửa đổi để mở rộng khả năng tiếp cận cho cả các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	a) Các hành vi trốn thuế; gian lận thuế; buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới; b) Các hành vi vi phạm hành chính có hình thức, mức xử phạt vượt thẩm quyền Chi cục trưởng Chi cục Hải quan và các chức danh tương đương. 2. Điều kiện về chấp hành tốt pháp luật về kế toán, kiểm toán: a) Áp dụng các chuẩn mực kế toán theo quy định của Bộ Tài chính; b) Báo cáo tài chính hàng năm phải được kiểm toán bởi công ty kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập. Ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính nêu trong báo cáo kiểm toán phải là ý kiến chấp nhận toàn phần theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. 3. Điều kiện về hệ thống kiểm soát nội bộ: Doanh nghiệp phải thực hiện và duy trì hệ thống, quy trình quản lý, giám sát, kiểm soát vận hành thực tế trong toàn bộ dây chuyền cung ứng hàng hóa xuất, nhập khẩu của mình. 4. Điều kiện về kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu: a) Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu đạt kim ngạch 100 triệu USD/năm; b) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đạt kim ngạch 40 triệu USD/năm;	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	c) Doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản sản xuất hoặc nuôi, trồng tại Việt Nam đạt kim ngạch 30 triệu USD/năm; d) Đại lý thủ tục hải quan: số tờ khai làm thủ tục hải quan trong năm đạt 20.000 tờ khai/năm. Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, Điểm d Khoản này là kim ngạch bình quân trong 02 năm liên tiếp tính đến ngày doanh nghiệp có văn bản đề nghị xem xét, không bao gồm kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác. 5. Không áp dụng điều kiện kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại Khoản 4 Điều này đối với doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao. 6. Bộ Tài chính xem xét áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 9 Nghị định này đối với hàng hóa nhập khẩu để thực hiện dự án đầu tư trọng điểm được Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo trước khi cấp phép đầu tư đang trong giai đoạn xây dựng cơ bản.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
2. A single administrative document or electronic equivalent shall be used for the purpose of completing the formalities connected with placing the goods under a customs procedure.	- Luật Hải quan 2014 Điều 29. Khai hải quan 5. Người khai hải quan được nộp tờ khai hải quan chưa hoàn chỉnh hoặc chứng từ thay thế tờ khai hải quan để thông quan và hoàn chỉnh tờ khai hải quan trong thời hạn quy định tại Điều 43 và Điều 50 của Luật này, khai một lần để xuất khẩu, nhập khẩu nhiều lần trong một thời gian nhất định đối với mặt hàng nhất định. - Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 25. Khai hải quan 8. Đăng ký tờ khai một lần Người khai hải quan thường xuyên xuất khẩu, nhập khẩu đối với mặt hàng nhất định, trong một thời gian nhất định của cùng một hợp đồng mua bán hàng hóa với cùng một người mua, người bán, qua cùng cửa khẩu được đăng ký tờ khai hải quan một lần trong thời hạn không quá 01 năm. Tờ khai hải quan một lần không còn giá trị làm thủ tục hải quan khi có sự thay đổi về chính sách thuế, chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.	Đánh giá: PLVN đã tương thích với cam kết tại Hiệp định theo đó, đối với những doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định được phép sử dụng 1 tờ khai hải quan để xuất/nhập khẩu toàn bộ lượng hàng của mặt hàng xuất/nhập khẩu thường xuyên trong một thời gian nhất định. Thực tế, cam kết này của Hiệp định có nội dung tương tự quy định tại Phụ lục tổng quát của Công ước Kyoto mà Việt Nam là thành viên và đã sửa đổi pháp luật để tuân thủ các quy định của Công ước này. Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
3. The Parties shall apply modern customs techniques, including risk assessment and post- clearance audit methods in order to simplify and facilitate the entry and the release of goods.	- Điều 8, Điều 17, Điều 77, Điều 78 Luật Hải quan 2014 - Điều 7, Điều 13, Điều 15, Điều 25 Nghị định 08/2015/NĐ-CP và Luật Hải quan 2014 Hiện đại hóa quản lý hải quan 1. Nhà nước ưu tiên đầu tư thiết bị kỹ thuật, phương tiện hiện đại, công nghệ tiên tiến để bảo đảm hiệu quả quản lý hải quan; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia phát triển công nghệ và phương tiện kỹ thuật tiên tiến để bảo đảm áp dụng phương pháp quản lý hải quan hiện đại. Tổ chức, cá nhân hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu có trách nhiệm tham gia xây dựng, thực hiện giao dịch điện tử và thủ tục hải quan điện tử. Điều 17. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan 1. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa, phương tiện vận tải; hỗ trợ hoạt động phòng, chống buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. 2. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm việc thu thập, xử lý thông tin hải quan; xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro; tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý hải quan phù hợp. 3. Cơ quan hải quan quản lý, ứng dụng hệ thống thông tin nghiệp vụ	Đánh giá: PLVN về hải quan đã tuân thủ cam kết tại khoản này của EVFTA Tuy nhiên, pháp luật chuyên ngành về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu hiện vẫn chưa áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại như nêu tại cam kết này (vẫn kiểm tra từng lô hàng, chỉ được thông quan sau khi có kết quả kiểm tra chuyên ngành...) Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật về hải quan • Đề xuất tiến hành Rà soát sự tương thích của pháp luật chuyên ngành về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu với cam kết này của Hiệp định

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	để tự động tích hợp, xử lý dữ liệu phục vụ việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. 4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro và việc áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan. Điều 77. Kiểm tra sau thông quan 1. Kiểm tra sau thông quan là hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa; kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan. Việc kiểm tra sau thông quan nhằm đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan. 2. Kiểm tra sau thông quan được thực hiện tại trụ sở cơ quan hải quan, trụ sở người khai hải quan. Trụ sở người khai hải quan bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, cửa hàng, nơi sản xuất, nơi lưu giữ hàng hóa.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	3. Thời hạn kiểm tra sau thông quan là 05 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan. Điều 78. Các trường hợp kiểm tra sau thông quan 1. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan và quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu. 2. Đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này thì việc kiểm tra sau thông quan được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. 3. Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan. Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 7. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia Việc khai hải quan, tiếp nhận, xử lý thông tin của người khai, tiếp nhận kết quả xử lý, ra quyết định cuối cùng về thông quan đều được thực hiện thông qua hệ thống thông tin tích hợp (điện tử) – Công thông tin một cửa quốc gia Điều 25 quy định khai hải quan phải thực hiện theo phương thức điện tử (trừ một số ít trường hợp được liệt kê) Điều 13, 15(đã trích dẫn ở trên): Quy định cụ thể về cơ chế phân loại rủi ro	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
4. The Parties shall promote the progressive development and use of systems, including those based upon Information Technology, to facilitate the electronic exchange of data between traders, customs administrations and other related agencies.	- Điều 8, 24 Luật Hải quan 2014 Điều 8. Hiện đại hóa hệ thống hải quan Điều 24. Hồ sơ hải quan 3. Hồ sơ hải quan được nộp, xuất trình cho cơ quan hải quan tại trụ sở cơ quan hải quan. Trường hợp áp dụng cơ chế một cửa quốc gia, cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành gửi giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, văn bản thông báo kết quả kiểm tra, miễn kiểm tra chuyên ngành dưới dạng điện tử thông qua hệ thống thông tin tích hợp. - Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 7. Thực hiện Cơ chế một cửa quốc gia Việc khai hải quan, tiếp nhận, xử lý thông tin của người khai, tiếp nhận kết quả xử lý, ra quyết định cuối cùng về thông quan đều được thực hiện thông qua hệ thống thông tin tích hợp (điện tử) – Công thông tin một cửa quốc gia Thông tư liên tịch 98/2010/TTLT/BTC-BNNPTNT-BYT của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến người nộp thuế, quản lý nhà nước về hải quan, nông nghiệp và y tế	Đánh giá: Việt Nam đã có những nỗ lực (qua các quy định pháp luật và thực tiễn thực thi) trong việc thúc đẩy hải quan điện tử, Cơ chế một cửa quốc gia (mà ở đó các trao đổi dữ liệu giữa người khai hải quan, cơ quan hải quan và các cơ quan quản lý chuyên ngành được thực hiện dưới dạng điện tử). Vì vậy về cơ bản VN đã đáp ứng yêu cầu này của EVFTA. Tuy nhiên, do các mục tiêu Cơ chế một cửa quốc gia và hải quan điện tử của Việt Nam vẫn đang trong quá trình triển khai từng bước, chưa hoàn tất, do đó nếu chiếu với cam kết này, Việt Nam vẫn cần tiếp tục triển khai các nỗ lực này. Đề xuất: Tiếp tục các nỗ lực pháp lý và thực tiễn thi hành để thực thi cam kết này của EVFTA

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Article 6 Transit and Transshipment 1. Each Party shall ensure the facilitation and effective control of transshipment operations and transit movements through their respective territories. 2. Each Party shall ensure cooperation and coordination between all concerned authorities and agencies in their respective territories to facilitate traffic in transit.	- Điều 12, Điều 14, Điều 16, Điều 38, Điều 39, Điều 56, Điều 64, Điều 68, Điều 69, Điều 65 Luật Hải quan 2014 - Chương VII Nghị định số 187/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài - Điều 10 Thông tư 04/2014/TT-BCT của Bộ Công thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 187/2013/NĐ-CP	Đánh giá: Việt Nam đã có các quy định về quá cảnh và hàng trung chuyển phù hợp với cam kết về nguyên tắc trong EVFTA tại Điều này. Tuy nhiên, cam kết EVFTA không chỉ đòi hỏi về việc có quy định mà yêu cầu về “hiệu quả thực hiện”, đặc biệt là “đảm bảo tạo thuận lợi”, “bảo đảm hiệu quả kiểm soát”, “bảo đảm hợp tác và phối hợp”. Trong khi đó, về mặt hiệu quả, hoạt động hải quan nói chung và hoạt động hải quan liên quan tới việc quá cảnh và chuyển khẩu, mặc dù đã có nhiều nỗ lực mang lại những bước cải thiện đáng kể, hiệu quả các hoạt động này vẫn còn hạn chế đáng kể. Đề xuất: Tiếp tục các nỗ lực cải cách hành chính trong thực thi, triển khai các quy định hải quan về quá cảnh và chuyển khẩu
Article 7 Risk Management 1. Each Party shall base its examination and release procedures and its post-clearance audit procedures on risk assessment principles and audits, rather than examining each shipment in a comprehensive manner for compliance with all import requirements.	- Điều 16, Điều 17, Điều 31, Điều 33.3, Điều 38.3 Luật Hải quan 2014 - Điều 13, Điều 15 Nghị định 08/2015/ NĐ-CP và - Luật Hải quan 2014 Điều 17. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan 1. Cơ quan hải quan áp dụng quản lý rủi ro để quyết định việc kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa,	Đánh giá: PLVN về hải quan đã tuân thủ cam kết tại khoản này của EVFTA Tuy nhiên, pháp luật chuyên ngành về quản lý chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu hiện vẫn chưa áp dụng các phương pháp quản lý hiện đại như nêu tại cam kết này (vẫn kiểm tra từng lô hàng, chỉ được thông quan sau khi có kết quả kiểm tra chuyên ngành...)

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
2. The Parties agree to adopt and apply their import, export, transit and transshipments control requirements and procedures for goods on the basis of risk management principles, to be applied to focus compliance measures on transactions that merit attention.	phương tiện vận tải; hỗ trợ hoạt động phòng, chống buôn lậu và vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới. 2. Quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan bao gồm việc thu thập, xử lý thông tin hải quan; xây dựng tiêu chí và tổ chức đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro; tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý hải quan phù hợp. Điều 33. Kiểm tra thực tế hàng hóa 1. Hàng hóa thuộc một trong các trường hợp sau đây được miễn kiểm tra thực tế: a) Hàng hóa phục vụ yêu cầu khẩn cấp; b) Hàng hóa chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh; c) Hàng hóa thuộc trường hợp đặc biệt khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ. 2. Hàng hóa quy định tại khoản 1 Điều này mà phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật phải được kiểm tra thực tế. 3. Hàng hóa không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này, việc kiểm tra thực tế được thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro. Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 13. Áp dụng quản lý rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ hải quan	Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật về hải quan • Đề xuất tiến hành Rà soát sự tương thích của pháp luật chuyên ngành về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu với cam kết này của Hiệp định

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	1. Cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, giám sát hải quan, kiểm tra sau thông quan, thanh tra và các biện pháp nghiệp vụ khác dựa trên việc tổng hợp, xử lý các kết quả đánh giá tuân thủ pháp luật của người khai hải quan, phân loại mức độ rủi ro. Điều 15. Thực hiện phân loại mức độ rủi ro 1. Việc phân loại mức độ rủi ro trong hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được thực hiện dựa trên mức độ tuân thủ pháp luật của người khai hải quan. 2. Trong quá trình phân loại mức độ rủi ro, cơ quan hải quan xem xét các yếu tố liên quan, gồm: a) Chính sách quản lý, chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh, phương tiện xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh, hành lý của hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; b) Tính chất, đặc điểm của hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải; c) Tần suất, tính chất, mức độ vi phạm liên quan đến hàng hóa, hành lý, phương tiện vận tải; d) Xuất xứ của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; đ) Tuyến đường, phương thức vận chuyển hàng hóa, hành lý; e) Các yếu tố khác liên quan đến quá trình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	3. Cơ quan hải quan thực hiện đánh giá phân loại rủi ro đối với người khai hải quan, các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo các mức độ khác nhau để áp dụng các biện pháp kiểm tra, giám sát hải quan, thanh tra phù hợp.	
Article 8 Transparency 1. Each Party shall ensure that its customs and other trade-related laws, regulations and general administrative procedures and other requirements, including fees and charges, are readily available to all interested parties and where feasible and possible, official website. 2. Each Party shall designate or maintain one or more inquiry or information points to address inquiries within a reasonable time by interested persons concerning customs and other trade-related matters.	- Nghị định 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp - Điều 150, Điều 157 Luật Ban hành VBQPPL 2015 Điều 150. Đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật 1. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở trung ương phải được đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước. 4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai. Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm pháp luật trên Công báo chậm nhất là 15 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan trung ương ban hành Điều 157. Đăng tải và đưa tin văn bản quy phạm pháp luật	Đánh giá: 1. PLVN đã có quy định buộc công bố tất cả các VBQPPL cấp trung ương (các nội dung về hải quan, bao gồm cả quy định về phí, lệ phí, đều là các quy định trong các văn bản cấp trung ương) trên Công báo. Trên thực tế, yêu cầu (không bắt buộc) của EVFTA về việc đăng tải trên website cũng đã được thực hiện: • Cổng thông tin một cửa quốc gia, website của Tổng cục Hải quan cũng như các Cục Hải quan địa phương cũng đăng tải các VBQPPL liên quan tới hải quan; • Website của các Bộ quản lý ngành cũng đăng tải các VBQPPL thuộc lĩnh vực Bộ quản lý, trong đó có văn bản về kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất nhập khẩu. • Hiện chưa có một website chung công bố tất cả các thông tin về quy trình xuất nhập khẩu (bao gồm cả hải quan chung và kiểm tra chuyên ngành) nói chung cũng như về các loại phí, lệ phí gắn với thủ tục xuất

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	VBQPPL do các cơ quan nhà nước ở trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành phải được đăng tải toàn văn trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước. Văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật có giá trị sử dụng chính thức. Điều 19.2, Điều 93, Điều 94, Điều 95 Luật Hải quan 2014 Điều 19.2 quy định nghĩa vụ của công chức hải quan là “hướng dẫn người khai hải quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu” Điều 10 có quy định về việc giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp thông qua các hình thức văn bản, mạng, trực tiếp, điện thoại. - Quy chế 1915/QĐ-TCHQ ngày 17/10/2007 về việc ban hành Quy chế công tác tuyên truyền hỗ trợ cung cấp thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế (chú ý văn bản này không phải là văn bản pháp luật, chỉ là văn bản điều hành, có hiệu lực nội bộ)	nhập khẩu nói riêng. Tất nhiên đây không phải quy định bắt buộc tại Hiệp định, nhưng là vấn đề rất có ý nghĩa đối với việc minh bạch hóa và tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu. 2. Hiện chưa có VBQPPL nào quy định bắt buộc về việc thiết lập, duy trì các đầu mối giải đáp pháp luật về hải quan và những vấn đề liên quan (trừ quy định chung về trách nhiệm giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp theo Nghị định 66/2008/NĐ-CP). Tuy nhiên, trên thực tế, nhiều điểm tư vấn về hải quan đã được thiết lập: • Mục tư vấn trên các trang thông tin điện tử của Hải quan Việt Nam và Hải quan các địa phương • Các đầu mối, tổ giải đáp, tư vấn hải quan cho doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân của ngành Hải quan (theo văn bản hướng dẫn của ngành) • Mục Hỗ trợ trực tuyến trên Cổng thông tin một cửa quốc gia (tuy nhiên mục này hiện lại chỉ bao gồm các phương thức liên lạc bằng điện thoại và email, không cho phép tương tác trực tuyến như tên gọi) Tất cả các hình thức tư vấn, hướng dẫn, cung cấp thông tin qua các đầu mối này đều được thực hiện miễn phí. • Ở các cơ quan chuyên môn có nội dung quản lý về xuất nhập khẩu đối với các loại hàng hóa cụ thể cũng có một số đầu mối giải đáp (phổ biến là các Mục Tư vấn, Hỏi-đáp trên trang

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		thông tin điện tử chính thức của Bộ). Tuy nhiên, cũng tương tự như trường hợp của Hải quan, các đầu mối giải đáp này không dựa trên các quy định tại văn bản pháp luật chính thức mà chủ yếu là theo văn bản quản lý nội bộ, thực hiện chương trình cải cách thủ tục hành chính của Bộ. 3. Về yêu cầu giải đáp các thắc mắc, câu hỏi của các chủ thể liên quan “trong khoảng thời gian hợp lý”. Do chưa có quy định bắt buộc về cơ chế giải đáp, hiện việc giải đáp, tư vấn doanh nghiệp, nếu có, được thực hiện theo cơ chế nội bộ của các cơ quan liên quan. Do đó, không có gì đảm bảo chắc chắn về việc đáp ứng thời hạn “hợp lý” trong thực tiễn tư vấn, giải đáp cho doanh nghiệp. Đề xuất: 1. Liên quan tới việc công khai VBQPPL: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật. 2. Liên quan tới việc thiết lập các đầu mối tư vấn, hướng dẫn: Cần chú ý rằng bên cạnh nghĩa vụ theo EVFTA này, Việt Nam cũng có nghĩa vụ (thậm chí chi tiết và nhiều yêu cầu hơn) theo Hiệp định TFA của WTO. Vì vậy, kết hợp giữa yêu cầu tại EVFTA, TFA và nhu cầu thực tiễn (tăng tính hiệu lực, ổn định và thống nhất và chuyên sâu trong hoạt động của các điểm giải đáp đang tồn tại),

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		có lẽ nên pháp điển hóa thực tiễn này bằng một quy định pháp luật có giá trị pháp lý cao hơn, ít nhất trong lĩnh vực hải quan. Vì vậy, đề nghị xây dựng mới 01 Nghị định về công khai, minh bạch thông tin và tham vấn về thủ tục hải quan, trong đó có 01 điều khoản về điểm giải đáp với quy định: • Bắt buộc thiết lập đầu mối giải đáp thông tin tại mỗi Cục, Chi cục hải quan địa phương • Chức năng của các đầu mối giải đáp thông tin này bao gồm ít nhất bao gồm các nội dung như tại Khoản 3.1 Điều 1 Hiệp định TFA ; khuyến nghị nên mở rộng chức năng của các đầu mối giải đáp này để không chỉ bao gồm việc giải đáp mà còn cả việc cung cấp thường xuyên, cập nhật các thông tin yêu cầu tại Khoản 1.1 Điều 1 Hiệp định TFA (để doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có đầu mối thông tin tổng hợp, không phải đi tìm kiếm thông tin ở từng địa điểm riêng lẻ khác, dù rằng ở các địa điểm đó các thông tin này vẫn được công khai); • Các Bộ, Sở quản lý chuyên ngành có trách nhiệm cung cấp thông tin và phối hợp giải đáp các vấn đề liên quan tới thủ tục xuất nhập khẩu của hàng hóa thuộc lĩnh vực chuyên ngành của mình với Đầu mối giải đáp đặt tại các Cục, Chi cục hải quan.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		• Đầu mối này cũng là Điểm cung cấp thông tin tập trung về tất cả các văn bản, quy định, quy trình về thủ tục hải quan và thủ tục xuất nhập khẩu liên quan (thủ tục kiểm tra chuyên ngành), trong đó có vấn đề về phí, lệ phí.
Article 9 Advance Rulings 1. Upon written request from traders each Party shall issue, through its customs authorities, prior to the importation of a good into its territory written advance rulings, in accordance with the parties' laws and regulations, on tariff classification or any other matter as the Parties may agree upon. 2. Subject to any confidentiality requirements in its law each Party shall publish, e.g. on the Internet, its advance rulings on tariff classification and any matters as the Parties may agree upon. 3. To facilitate trade, the Parties shall include in their bilateral dialogue regular updates on changes in their respective legislation on advance rulings.	- Điều 4.26, Điều 14.16, Điều 18.1, Điều 18.2, và Điều 28 Luật Hải quan 2014 - Điều 24 Nghị định 08/2015/NĐ-CP - Dự thảo Thông tư về thủ tục hải quan, giám sát hải quan, thuế XNK và quản lý thuế đối với hàng hóa XNK: Quy định chi tiết về thủ tục, điều kiện xác định trước (đối với 03 vấn đề: phân loại thuế quan, xuất xứ hàng hóa và trị giá hải quan) Luật Hải quan 2014 Điều 28. Xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan 1. Trong trường hợp người khai hải quan đề nghị cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan đối với hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan cung cấp thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan hải quan để cơ quan hải quan xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan.	Đánh giá: 1. PLVN đã đáp ứng hoàn toàn cam kết về Xác định trước trong Điều 9 EVFTA, bao gồm: • Cơ chế về việc xác định trước (PLVN quy định về 03 vấn đề có thể được xác định trước, nhiều hơn yêu cầu bắt buộc trong EVFTA) • Cơ chế công khai kết quả Xác định trước trên Internet 2. Vấn đề quy định trong khoản 3 Điều 9 không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Trường hợp không thể cung cấp mẫu hàng hóa dự kiến xuất khẩu, nhập khẩu, người khai hải quan phải cung cấp tài liệu kỹ thuật liên quan đến hàng hóa đó. 2. Cơ quan hải quan căn cứ quy định của pháp luật về phân loại hàng hóa, xuất xứ, trị giá hải quan và các thông tin, chứng từ liên quan do người khai hải quan cung cấp để xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan và có văn bản thông báo cho người khai hải quan biết kết quả xác định trước. Trường hợp không đủ cơ sở hoặc thông tin để xác định theo yêu cầu của người khai hải quan, cơ quan hải quan thông báo cho người khai hải quan hoặc đề nghị bổ sung thông tin, chứng từ liên quan. 3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có văn bản thông báo kết quả xác định trước, nếu người khai hải quan không đồng ý với kết quả xác định trước thì có quyền yêu cầu cơ quan hải quan xem xét lại kết quả xác định trước. Cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét và trả lời kết quả cho người khai hải quan trong thời hạn quy định. 4. Văn bản thông báo kết quả xác định trước có giá trị pháp lý để cơ quan hải quan làm thủ tục hải quan khi hàng hóa thực xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với thông tin, chứng từ liên quan, mẫu hàng hóa mà người khai hải quan đã cung cấp.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 24. Thủ tục xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan 3. Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan: a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, Tổng cục Hải quan có văn bản từ chối xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan gửi tổ chức, cá nhân đối với trường hợp không đủ điều kiện, hồ sơ xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan; b) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ (đối với trường hợp thông thường) hoặc 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (đối với trường hợp phức tạp cần xác minh, làm rõ). Văn bản thông báo kết quả xác định trước mã số, xuất xứ, trị giá hải quan được gửi cho tổ chức, cá nhân, đồng thời cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang điện tử của Tổng cục Hải quan.	
Article 10 Fees and charges 1. Fees and charges shall only be imposed for services provided in connection with the importation or exportation in question. They shall not exceed the approximate cost of the service provided; and shall not	- Luật Hải quan 2014 - Luật Ban hành VBPL 2015 - Pháp lệnh phí, lệ phí 2001 - Nghị định 57/2002/NĐ-CP - Thông tư 172/2010/TT-BTC về phí, lệ phí trong lĩnh vực Hải quan	Đánh giá 1. Về mức phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan: Về nguyên tắc, pháp luật về phí, lệ phí không có quy định về việc tính phí, lệ phí dựa trên giá trị hàng hóa; đồng thời cũng gián tiếp đề cập tới

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
be calculated on an ad valorem basis. 2. Neither Party shall require consular transactions³, including related fees and charges, in connection with the importation of or exportation to of goods to the other Party. After three years of entry into force of this Agreement, a Party may not require consular authentication for the importation of goods covered by this Agreement. 3. The information on fees and charges shall be published via an officially designated medium, and where feasible and possible, official website. This information shall include the reason for the fee or charge for the service provided, the responsible authority, the fees and charges that will be applied, and when and how payment is to be made. 4. New or amended fees and charges shall not be imposed until information in accordance with paragraph 3 is published and made readily available.	Điều 21. Thủ tục hải quan 1. Khi làm thủ tục hải quan, người khai hải quan có trách nhiệm: c) Nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan. 2. Khi làm thủ tục hải quan, cơ quan hải quan, công chức hải quan có trách nhiệm: c) Tổ chức thu thuế và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về thuế, phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan; Pháp lệnh Phí, lệ phí 2001 - Điều 12: mức thu phí phải đảm bảo thu hồi vốn trong thời gian hợp lý, có tính đến chính sách của nhà nước - Điều 13: Mức thu lệ phí không nhằm mục đích bù đắp chi phí - Điều 16: Thông báo công khai tại điểm thu phí Nghị định 57/2002/NĐ-CP (sửa đổi tại Nghị định 24/2006/NĐ-CP) hướng dẫn Pháp lệnh Phí, lệ phí - Điều 9: Mức thu lệ phí được ấn định trước bằng một số tiền nhất định đối với từng công việc quản lý nhà nước được thu lệ phí, không nhằm mục đích bù đắp chi phí để thực hiện công việc thu lệ phí	việc không thu lợi nhuận từ việc thu phí, lệ phí (có thể hiểu là mức phí, lệ phí sẽ không vượt quá chi phí bỏ ra để cung cấp dịch vụ liên quan) • Pháp luật hải quan cũng quy định các loại phí, lệ phí theo cách thức phù hợp với cam kết tại Điều 10 • Tuy nhiên, liên quan tới pháp luật chuyên ngành áp dụng đối với kiểm tra chuyên ngành hàng hóa xuất nhập khẩu, hiện đang quy định nhiều mức phí, nhiều cách tính phí có thể vi phạm cam kết Hiệp định + cách tính phí vẫn có trường hợp tính theo tỷ lệ % (ví dụ Thông tư 223/2012/TT-BTC Phí kiểm định chất lượng thuốc bảo vệ thực vật nhập khẩu là 0,05% giá trị lô hàng, Phí kiểm định các chỉ tiêu vệ sinh an toàn thực phẩm trong nông sản (rau, củ, quả) xuất nhập khẩu là 1% giá trị lô hàng.... + mức phí có trường hợp được đánh giá là quá cao so chi phí dịch vụ đã cung cấp. 2. Về thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự • Pháp luật hải quan hiện không có yêu cầu nào về việc cần hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ liên quan xuất nhập khẩu; • VN đang thực hiện việc nghiên cứu, lấy ý kiến các đơn vị liên quan để chuẩn bị hồ sơ để trình Chính phủ để gia nhập Công ước về hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ hành

3/ Consular transactions means the procedure of obtaining from a consul of the importing Party in the territory of the exporting Party, or in the territory of a third party, a consular invoice or a consular visa for a commercial invoice, certificate of origin, manifest, shippers' export declaration or any other customs documentation in connection with the importation of the good.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	- Điều 14: Mức thu phí nhằm mục đích bù đắp chi phí, bảo đảm thu hồi vốn trong thời gian hợp lý - Phụ lục quy định chi tiết danh mục phí, lệ phí trong các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực hải quan Thông tư 172/2010/TT-BTC về phí, lệ phí trong lĩnh vực hải quan Phụ lục quy định cụ thể về mức phí, lệ phí, thời điểm nộp Luật Ban hành VBQPPL 2015 Điều 150. Đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật 1. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở trung ương phải được đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước.	chính (chắc chắn sẽ trước thời điểm 3 năm kể từ ngày EVFTA có hiệu lực) - Tuy nhiên, pháp luật chuyên ngành liên quan tới thủ tục xuất nhập khẩu hiện vẫn có trường hợp yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự giấy tờ liên quan tới xuất nhập khẩu hàng hóa (ví dụ Thông tư 20/2011/TT-BCT yêu cầu hồ sơ nhập khẩu ô tô từ 09 chỗ ngồi trở xuống phải có “Giấy chỉ định hoặc Giấy ủy quyền là nhà nhập khẩu, nhà phân phối của chính hãng sản xuất, kinh doanh loại ô tô đó hoặc hợp đồng đại lý của chính hãng sản xuất, kinh doanh loại ô tô đó đã được cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài hợp pháp hoá lãnh sự”; Quyết định 10/2010/QĐ-TTg về Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất nhập khẩu có dự liệu trường hợp cơ quan có thẩm quyền có thể yêu cầu hợp pháp hóa CFS). Theo cam kết tại Hiệp định, Việt Nam được bảo lưu nghĩa vụ này trong 03 năm, vì vậy về nguyên tắc pháp luật VN vẫn tương thích với EVFTA, tuy nhiên sau 03 năm kể từ ngày EVFTA có hiệu lực, Việt Nam không được phép duy trì các quy định vi phạm trong pháp luật chuyên ngành. 3. Về việc thông báo các quy định về mức phí, lệ phí (bao gồm cả các sửa đổi): Các quy định về mức phí, lệ phí hiện được nêu trong các Thông tư của Bộ Tài chính. Việc ban hành các Thông tư

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
		này tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về ban hành VBQPPL (trong đó có yêu cầu về công khai và thời gian có hiệu lực phù hợp với EVFTA). Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật hải quan • Cần tiến hành một Rà soát riêng với pháp luật chuyên ngành có liên quan tới hoạt động xuất, nhập khẩu các loại hàng hóa với các cam kết trong Chương này của EVFTA để sửa đổi pháp luật cho thích hợp (ngay hoặc theo lộ trình cam kết)
Article 11 Customs Brokers The Parties agree that their respective customs provisions and procedures shall not require the mandatory use of customs brokers. The Parties shall apply transparent, non-discriminatory and proportionate rules if and when licensing customs brokers.	- Điều 314 và - Điều 20 Luật Hải quan 2014 Thông tư 12/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 30/01/2015 về việc quy định chi tiết thủ tục cấp Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan Luật Hải quan 2014 Điều 3.14. Người khai hải quan bao gồm: chủ hàng hóa; chủ phương tiện vận tải; người điều khiển phương tiện vận tải; đại lý làm thủ tục hải quan, người khác được chủ hàng hóa, chủ phương tiện vận tải ủy quyền thực hiện thủ tục hải quan.	Đánh giá: PLVN đã tuân thủ cam kết tại khoản này của EVFTA Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Điều 20. Đại lý làm thủ tục hải quan 1. Điều kiện là đại lý làm thủ tục hải quan: a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành, nghề kinh doanh dịch vụ giao nhận hàng hóa hoặc đại lý làm thủ tục hải quan; b) Có nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; c) Có hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện để thực hiện khai hải quan điện tử và các điều kiện khác theo quy định. 2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan là công dân Việt Nam đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: a) Có trình độ cao đẳng kinh tế, luật, kỹ thuật trở lên; b) Có chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; c) Được cơ quan hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định việc công nhận, tạm dừng, chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. 4. Đại lý làm thủ tục hải quan và nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện quyền và nghĩa vụ của	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	người khai hải quan quy định tại Điều 18 của Luật này. 5. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.	
Article 12 Customs valuation 1. The Parties shall determine the customs value of goods in accordance with the Agreement on the Implementation of Article VII of the GATT (1994). 2. The Parties shall cooperate with a view to reaching a common approach to issues relating to customs valuation.	- Điều 86 Luật Hải quan 2014 - Mục 3 Nghị định 08/2015/NĐ-CP Luật Hải quan 2014 Điều 86. Trị giá hải quan 1. Trị giá hải quan được sử dụng làm cơ sở cho việc tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. 2. Trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm và phí vận tải quốc tế. 3. Trị giá hải quan đối với hàng hóa nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên, phù hợp với pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. Nghị định 08/2015/NĐ-CP Điều 20. Nguyên tắc, phương pháp xác định trị giá hải quan	Đánh giá: 1. PLVN đã được sửa đổi để phù hợp với các quy định của Hiệp định về trị giá hải quan của WTO, do đó, đã đáp ứng yêu cầu tại cam kết ở khoản 1 Điều 12. 2. Cam kết tại khoản 2 Điều 12 không thuộc phạm vi của pháp luật nội địa Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật • Trong quá trình thực thi EVFTA, cần chú ý nghĩa vụ hợp tác với EU để đạt được thỏa thuận về cách tính chung đối với trị giá hải quan theo yêu cầu của EVFTA.

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	1. Đối với hàng hóa xuất khẩu: Trị giá hải quan hàng xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất, không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế và phí vận tải quốc tế. Giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất là giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa hoặc các hình thức có giá trị pháp lý tương đương hợp đồng, hóa đơn thương mại và các chứng từ có liên quan của lô hàng phù hợp với hàng hóa thực xuất khẩu. 2. Đối với hàng hóa nhập khẩu: Trị giá hải quan hàng nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên trên cơ sở áp dụng Hiệp định chung về thuế quan và thương mại hoặc theo các cam kết quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết. Cửa khẩu nhập đầu tiên được xác định như sau: a) Đối với phương thức vận tải đường biển, đường hàng không, cửa khẩu nhập đầu tiên là cảng dỡ hàng ghi trên vận đơn; b) Đối với phương thức vận tải đường sắt, cửa khẩu nhập đầu tiên là ga đường sắt liên vận quốc tế ở biên giới; c) Đối với phương thức vận tải đường bộ, đường sông, cửa khẩu nhập đầu tiên là cửa khẩu biên giới nơi hàng hóa nhập khẩu đi vào lãnh thổ Việt Nam.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
Article 13 Pre-shipment Inspections The Parties agree that their respective customs provisions and procedures shall not require the mandatory use of preshipment inspections as defined in the WTO Agreement on Preshipment Inspection, or any other inspection activity performed at destination, before customs clearance, by private companies.	Chương III - Thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan Luật Hải quan 2014	Đánh giá: Pháp luật hải quan hiện không có quy định nào về việc bắt buộc phải kiểm soát hồ sơ xuất nhập khẩu (kiểm soát giá, số lượng, chất lượng...) theo nghĩa tại Hiệp định kiểm định trước khi lên tàu của WTO hay các kiểm tra/kiểm định bắt buộc bởi các công ty tư nhân tại cảng đến trước khi thông quan (mà chỉ có các quy định về kiểm tra chuyên ngành thực hiện bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi hàng đến và trước thông quan). Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật
Article 14 Review and Appeal Each Party shall provide effective, prompt, non-discriminatory and easily accessible procedures to guarantee the right of appeal against customs and other agency administrative actions, rulings and decisions affecting import or export of goods or goods in transit.	- Điều 3 và Điều 7 Luật khiếu nại 2011 - Pháp luật Hải quan - Điều 2 và điều 28 Luật Tổ tụng hành chính Luật khiếu nại 2011 Điều 3. Áp dụng pháp luật về khiếu nại và giải quyết khiếu nại 1. Khiếu nại của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam và việc giải quyết khiếu nại được áp dụng theo quy định của Luật này, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.	Đánh giá • PLVN hiện hành đã có quy định phù hợp với các yêu cầu tại Điều 14 về: + Đã có cơ chế khiếu nại, khiếu kiện đảm bảo quyền khiếu nại, khiếu kiện đối với các quyết định hành chính liên quan tới xuất nhập khẩu, quá cảnh hàng hóa + Các cơ chế này áp cho các chủ thể theo cách không phân biệt đối xử - mọi chủ thể đều có thể tiếp cận các cơ chế này + Các quy trình, thời hạn quy định trong các cơ chế này cơ bản đã phù

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Điều 7. Trình tự khiếu nại - Người khiếu nại khiếu nại lần đầu đến người đã ra quyết định hành chính hoặc cơ quan có người có hành vi hành chính hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. - Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết lần đầu hoặc quá thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khiếu nại lần hai đến Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. - Trường hợp người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần hai hoặc hết thời hạn quy định mà khiếu nại không được giải quyết thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính. Pháp luật Hải quan - Quy trình riêng cho phép khiếu nại kết quả kiểm tra lần đầu đối với kết quả Xác định trước, kết quả Kiểm tra thực tế hàng hóa; - Các trường hợp khác dẫn chiếu tới pháp luật khiếu nại, khiếu kiện (liên quan tới các trường hợp không đồng ý với Kết quả phân loại hàng hóa, Kết quả xác định số thuế phải nộp)	hợp (không dài hơn với các cơ chế giải quyết khiếu nại, khiếu kiện khác) + Quy trình riêng cho phép yêu cầu xem xét lại ngay (kiểm tra lần 2) trong một số quyết định của cơ quan hải quan • Về yêu cầu “hiệu quả”: Đây là vấn đề thuộc về thực thi, không đánh giá được từ góc độ pháp luật. Tuy nhiên, về cơ bản thì mặc dù đã có các nỗ lực đáng kể, vấn đề giải quyết khiếu nại, khiếu kiện hành chính vẫn còn nhiều vướng mắc, đặc biệt liên quan tới tố tụng hành chính (lý do chính dẫn tới yêu cầu sửa đổi ban hành mới Luật tố tụng hành chính 2015) Đề xuất • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật • Cần chú ý tiếp tục các nỗ lực tăng cường hiệu quả của các cơ chế khiếu nại, khiếu kiện, đặc biệt liên quan

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	Luật Tổ tụng hành chính Điều 2. Hiệu lực của Luật tổ tụng hành chính 1. Luật tổ tụng hành chính được áp dụng đối với mọi hoạt động tổ tụng hành chính trên toàn lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2. Luật tổ tụng hành chính được áp dụng đối với hoạt động tổ tụng hành chính do cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiến hành ở nước ngoài. 3. Luật tổ tụng hành chính được áp dụng đối với việc giải quyết vụ án hành chính có yếu tố nước ngoài; trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó. Điều 28. Những khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án 1. Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính, trừ các quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc phạm vi bí mật nhà nước trong các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, ngoại giao theo danh mục do Chính phủ quy định và các quyết định hành chính, hành vi hành chính mang tính nội bộ của cơ quan, tổ chức.	
Article 15 Relations with the Business Community		

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
The Parties agree: (a) on the need for timely consultations with trade representatives on legislative proposals and general procedures related to customs and trade facilitation issues. To that end, appropriate consultation between administrations and the business community shall be established by each Party;	- Điều 6, Điều 36, Điều 55, Điều 57 và Điều 102 Luật Ban hành VBQPPL 2015 Điều 6. Tham gia góp ý kiến xây dựng văn bản quy phạm pháp luật 1. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức thành viên khác của Mặt trận và các cơ quan, tổ chức khác, cá nhân có quyền và được tạo điều kiện góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. 2. Trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo và cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm tạo điều kiện để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản quy phạm pháp luật. 3. Ý kiến tham gia về đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, tiếp thu trong quá trình chỉnh lý dự thảo văn bản. Điều 36. Lấy ý kiến đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh 1. Cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội lập đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh có trách nhiệm sau đây:	Đánh giá: • PLVN đã đáp ứng yêu cầu của EVFTA về việc lấy ý kiến đại diện cộng đồng doanh nghiệp với các dự thảo VBPL (trong đó có các quy trình áp dụng chung) trong lĩnh vực hải quan; • Trên thực tế, cơ quan hải quan đã có các cơ chế đối thoại định kỳ với doanh nghiệp (ở cấp Trung ương và một số địa phương) Đề xuất: • Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật • Đề nghị cân nhắc có quy định riêng trong nội bộ ngành Hải quan về cơ chế đối thoại định kỳ bắt buộc giữa các Cơ quan hải quan với doanh nghiệp ở cấp địa phương (để thông lệ hiện nay ở một số địa phương trở thành thông lệ chung) với best practice là Cơ chế đối thoại Thuế - Hải quan cấp trung ương (trả lời trực tiếp – tổng hợp sau đối thoại – công khai bản tổng hợp...)

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	a) Đăng tải báo cáo tổng kết, báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh trên Cổng thông tin điện tử của Quốc hội đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Cổng thông tin điện tử của Chính phủ đối với đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh của Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức có đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Thời gian đăng tải ít nhất là 30 ngày; b) Lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và giải pháp thực hiện chính sách trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức họp để lấy ý kiến về những chính sách cơ bản trong đề nghị xây dựng luật, pháp lệnh; Điều 55. Nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết 3. Tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự án, dự thảo và đăng tải dự án, dự thảo trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo; tổng hợp và nghiên cứu, giải trình, tiếp thu các ý kiến góp ý; đăng tải báo cáo giải trình, tiếp thu và dự thảo văn bản đã được chỉnh lý trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo. Điều 57. Lấy ý kiến đối với dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết 1. Trong quá trình soạn thảo văn bản, cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản và cơ quan, tổ chức có liên quan; nêu những vấn đề cần xin ý kiến phù hợp với từng đối tượng lấy ý kiến và xác định, cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến; đăng tải toàn văn dự thảo văn bản và tờ trình trên cổng thông tin điện tử quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 của Luật này và của cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo trong thời gian ít nhất là 60 ngày, trừ những văn bản được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn, để các cơ quan, tổ chức, cá nhân góp ý kiến. Trong thời gian dự thảo đang được lấy ý kiến, nếu cơ quan chủ trì soạn thảo chỉnh lý lại dự thảo văn bản mà khác với dự thảo đã đăng tải trước đó thì phải đăng lại dự thảo văn bản đã được chỉnh lý. Đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị góp ý kiến. 2. Ngoài đăng tải để lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều này, việc lấy ý kiến có thể thông qua hình thức lấy ý kiến trực tiếp, gửi dự thảo đề nghị góp ý kiến, tổ chức hội thảo, tọa	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	đàm, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. 3. Cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo có trách nhiệm tổng hợp, nghiên cứu, tiếp thu các ý kiến góp ý và đăng tải nội dung giải trình, tiếp thu trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và cổng thông tin điện tử của cơ quan, tổ chức mình để Nhân dân biết. 4. Đối với dự án, dự thảo do đại biểu Quốc hội soạn thảo, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội, Viện nghiên cứu lập pháp có trách nhiệm tổ chức lấy ý kiến theo quy định tại Điều này. Điều 102. Thẩm định dự thảo thông tư 1. Tổ chức pháp chế thuộc bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm thẩm định dự thảo thông tư trước khi trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ. Đối với thông tư có quy định ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người dân, doanh nghiệp, liên quan đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoặc do tổ chức pháp chế chủ trì soạn thảo thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thành lập hội đồng tư vấn thẩm định có sự tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan, các chuyên gia, nhà khoa học.	

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
(b) to publish or otherwise make available, as far as possible through electronic means, and new legislation and general procedures related to customs and trade facilitation issues prior to the application of any such legislation and procedures, as well as changes to and interpretations of such legislation and procedures. They shall also make publicly available relevant notices of an administrative nature, including agency requirements and entry procedures, hours of operation and operating procedures for customs offices at ports and border crossing points, and points of contact for information enquiries;	- Điều 105 và Điều 157 - Điều 19.2, Điều 93, Điều 94, Điều 95 Luật Hải quan 2014 Điều 19.2 quy định nghĩa vụ của công chức hải quan là “hướng dẫn người khai hải quan, tổ chức, cá nhân khi có yêu cầu” - Nghị định 66/2008/NĐ-CP về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp Điều 10 có quy định về việc giải đáp pháp luật cho doanh nghiệp thông qua các hình thức văn bản, mạng, trực tiếp, điện thoại. - Quy chế 1915/QĐ-TCHQ ngày 17/10/2007 về việc ban hành Quy chế công tác tuyên truyền hỗ trợ cung cấp thông tin cho người khai hải quan, người nộp thuế - Luật Ban hành VBQPPL 2015 Điều 150. Đăng Công báo văn bản quy phạm pháp luật 1. Văn bản quy phạm pháp luật của các cơ quan ở trung ương phải được đăng Công báo nước CHXHCN Việt Nam, trừ trường hợp văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước. 4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành, cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải gửi văn bản đến cơ quan Công báo để đăng Công báo hoặc niêm yết công khai. Cơ quan Công báo có trách nhiệm đăng toàn văn văn bản quy phạm	Đánh giá: PLVN đã đáp ứng yêu cầu này của EVFTA Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	pháp luật trên Công báo chậm nhất là 15 ngày đối với văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan trung ương ban hành Điều 157. Đăng tải và đưa tin văn bản quy phạm pháp luật VBQPPL do các cơ quan nhà nước ở trung ương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành phải được đăng tải toàn văn trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành và đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng, trừ văn bản có nội dung thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước. Văn bản quy phạm pháp luật đăng tải trên cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật có giá trị sử dụng chính thức.	
(c) on the need for a reasonable time period between the publication of new or amended legislation, procedures and fees or charges and their entry into force;	- Điều 151, Điều 152 - Luật Ban hành VBQPPL 2015 Điều 151. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật 1. Thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương; không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội	Đánh giá: PLVN đã đáp ứng yêu cầu này của EVFTA Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; không sớm hơn 07 ngày kể từ ngày ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp xã. 2. Văn bản quy phạm pháp luật được ban hành theo trình tự, thủ tục rút gọn thì có thể có hiệu lực kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành, đồng thời phải được đăng ngay trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan ban hành và phải được đưa tin trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc Công báo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chậm nhất là sau 03 ngày kể từ ngày công bố hoặc ký ban hành. Điều 152. Hiệu lực trở về trước của văn bản quy phạm pháp luật 1. Chỉ trong trường hợp thật cần thiết để bảo đảm lợi ích chung của xã hội, thực hiện các quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân được quy định trong luật, nghị quyết của Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan trung ương mới được quy định hiệu lực trở về trước.	
(d) to ensure that their respective customs and related requirements and procedures continue to meet the needs of the trading community, follow best practices, and remain as little trade-restrictive as possible.	Luật Ban hành VBQPPL 2015 Điều 170. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật 1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa	Đánh giá: PLVN đã đáp ứng yêu cầu này của EVFTA Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
	các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật. Cơ quan, tổ chức và công dân có quyền đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật. 2. Hoạt động rà soát văn bản phải được tiến hành thường xuyên, ngay khi có căn cứ rà soát văn bản. Hoạt động hệ thống hóa văn bản phải được tiến hành định kỳ, kịp thời công bố Tập hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực.	
Article 16 Special committee on Customs 1. The Parties hereby establish a Special Committee on Customs composed of representatives of the Parties. The Committee shall meet on a date and with an agenda agreed in advance by the Parties. The office of chairperson of the Committee shall be held alternately by each of the Parties and rotate annually. The Committee shall report to the XXX Committee.	PLVN không quy định	Đánh giá: Đây không phải vấn đề thuộc pháp luật nội địa Đề xuất: Không đề xuất điều chỉnh, sửa đổi gì về pháp luật

Cam kết EVFTA	Pháp luật Việt Nam liên quan	Đánh giá tương thích - Đề xuất giải pháp
2. The Committee shall ensure the proper functioning of this chapter, including the enforcement of Intellectual Property Rights by Customs in sub-section 3.2 of the IPR chapter, the Protocol xx on Rules of Origin, the Protocol yy on MAA and any additional customs- related provisions agreed between the Parties. 3. The Committee shall examine the need for, and take, decisions, opinions, proposals or recommendations on all issues arising from their implementation. It shall have the power to adopt decisions on mutual recognition of risk management techniques, risk standards, security controls and trade partnership programmes, including aspects such as data transmission and mutually agreed benefits.		

BÁO CÁO

RÀ SOÁT PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỚI CÁC CAM KẾT CỦA HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM – EU VỀ HẢI QUAN VÀ TẠO THUẬN LỢI THƯƠNG MẠI

Chịu trách nhiệm xuất bản
Phó Giám đốc Phụ trách - Tổng Biên tập
NGUYỄN MINH HUỆ

Biên tập
Phùng Thị Lan Phương
Tôn Nữ Thanh Bình
Nguyễn Thị Thanh Hải

Chế bản
Công ty TNHH Giải pháp DEMAC

Trình bày
Anchorgraphics.vn@gmail.com

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG
Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (04) 3 934 1562. **Fax:** (04) 3 938 7164
Websites: <http://nhaxuatbancongtuong.com>
Email: nxbct@moit.gov.vn

In 500 cuốn, khổ 19 x 26 cm tại Công ty TNHH Giải pháp DEMAC
Số xác nhận đăng ký xuất bản: 276-2016/CXBIPH/01-05/CT
Số Quyết định xuất bản: 08/QĐ-NXBCT ngày 27/01/2016
Mã số ISBN: 978-604-931-151-2
In xong và nộp lưu chiểu Quy I năm 2016

**TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

Trung tâm WTO và Hội nhập là đơn vị trực thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), được thành lập nhằm hỗ trợ về pháp lý cho các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Trung tâm là đầu mối vận động chính sách, cung cấp thông tin, tư vấn, hỗ trợ các hiệp hội và doanh nghiệp Việt Nam nhằm tận dụng tối đa các cơ hội và lợi ích, phòng tránh và tự bảo vệ mình trước những tác động tiêu cực có thể có từ WTO, các Hiệp định Thương mại Tự do (FTA) và các Hiệp định thương mại quốc tế khác.

Địa chỉ: Số 9 Đào Duy Anh – Hà Nội
Điện thoại: +84-4-35771458, Fax: +84-4-35771459
Email: banthuky@trungtamwto.vn, Website: www.trungtamwto.vn

